

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

MÃ SỐ: 9310401.01

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- *Tên chuyên ngành đào tạo:*

+ Tiếng Việt: Tâm lý học

+ Tiếng Anh: Psychology

- *Mã số chuyên ngành đào tạo:* 9310401.01

- *Tên ngành đào tạo:*

+ Tiếng Việt: Tâm lý học

+ Tiếng Anh: Psychology

- *Trình độ đào tạo:* Tiến sĩ

- *Tên văn bằng sau tốt nghiệp:*

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Tâm lý học

+ Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Psychology

- *Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học có mục tiêu chung là đào tạo những chuyên gia có trình độ cao, có kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực của tâm lý học, đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng tâm lý học trong xã hội hiện đại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo các nhà tâm lý học có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập; có khả năng tổ chức và triển khai các mạng lưới, các nhóm nghiên cứu; có năng lực tham gia các diễn đàn khoa học, đối thoại học thuật, vận dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; có năng lực tự cập nhật kiến thức, phương pháp nghiên cứu, và ứng dụng chúng trong lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể của bản thân.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành Tâm lý học; hoặc bằng thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý học; bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp, hoặc bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành Tâm lý học.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của

ngành/liên ngành công nhận. Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- + Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên sinh;

- + Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ chương trình đào tạo được ĐHQGHN phê duyệt

- + Có chứng chỉ ngoại ngữ theo bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 (Quy chế 4555/ĐGQGHN ngày 24/11/2017) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

+ Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

+ Có bằng đại học ngành Ngôn ngữ nước ngoài hoặc Sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngoại ngữ theo yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

+ Trong các trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chuyên môn. Hội đồng tuyển sinh thành lập Tiểu ban đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

- Người dự tuyển là người nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

- Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần

- *Chuyên ngành đúng*: Tâm lý học

- *Chuyên ngành phù hợp*: Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý giáo dục, Sư phạm Tâm lý - Giáo dục

- *Chuyên ngành gần*: Xã hội học, Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Sư phạm mẫu giáo, Y tế công cộng; Quản lý giáo dục.

3.4. Qui mô tuyển sinh: 5-10 nghiên cứu sinh/năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

Luận án của NCS phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

b. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Những kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

c. Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

d. Cấu trúc của luận án tiến sĩ phải đảm bảo tối thiểu có các phần sau:

- Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài.

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu.

- Cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá.

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo.

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của đơn vị đào tạo.

- Danh mục các công trình/bài báo đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);

- Phụ lục (nếu có).

- Hình thức và cách thức trình bày luận án theo qui định của đơn vị đào tạo.

e. Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ: kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

g. Trong thời gian theo học chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ có tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

h. Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 và không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

i. Hình thức và cấu trúc của luận án theo qui định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

k. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày

tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án;

1. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

2. Yêu cầu về kiến thức chuyên môn

- Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc ngành Tâm lý học;
 - Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực chuyên ngành như: tâm lý học xã hội, tâm lý học lâm sàng, tâm lý học tham vấn, tâm lý học phát triển, tâm lý học quản lý - kinh doanh, tâm lý học nhân cách, tâm lý học sáng tạo, tâm lý học pháp lý, tâm lý học công nghiệp - tổ chức,...;
 - Kiến thức về tổ chức, triển khai các bước nghiên cứu khoa học Tâm lý học, và phát triển các qui trình, mô hình mới, áp dụng trong thực tiễn.
 - Kiến thức về quản lý nhóm nghiên cứu, quản lý thời gian, quản lý công việc hiệu quả.
 - Cập nhật và hệ thống những vấn đề lý luận, các lý thuyết mới trong lĩnh vực chuyên ngành.
 - Nắm vững thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin; phương pháp luận nghiên cứu Tâm lý học.
 - Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành, đặc biệt là về phương pháp luận nghiên cứu, các lý thuyết tâm lý học, đạo đức nghiên cứu tâm lý, thực hành tâm lý, những xu hướng nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam.

3. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Giải quyết trọn vẹn một vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực tâm lý học. Đánh giá thực trạng và đề xuất những giải pháp mới để giải quyết vấn đề liên quan đến tâm lý con người.
- Phân tích, tổng hợp, đánh giá được sự ảnh hưởng của các yếu tố xã hội, văn hóa, kinh tế, lịch sử đến vấn đề nghiên cứu.

- Vận dụng, phát triển và xã hội hóa các tri thức mới vào phát triển con người và xã hội.

- Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy về tâm lý học cho các chương trình đại học và sau đại học tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu, và cơ quan ban ngành.

- Quản lý, triển khai các hoạt động chuyên môn trong các cơ quan nghiên cứu, tổ chức đoàn thể, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tham mưu, tư vấn cho các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về các vấn đề liên quan đến con người.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp:

- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học.

- Kỹ năng thiết kế các công cụ nghiên cứu tâm lý đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực.

- Kỹ năng nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu liên quan đến thu thập tài liệu trong lĩnh vực tâm lý học, bao gồm các kỹ thuật quan sát tham gia, phỏng vấn sâu, phỏng vấn bán cấu trúc, điều tra bằng bảng hỏi, đánh giá nhanh, thảo luận nhóm.

- Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.

- Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề của Tâm lý học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

- Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển tâm lý con người.

- Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

4.2. Kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, quản lý cảm xúc, các kỹ năng giao tiếp, trình bày, thuyết trình, và tranh luận các vấn đề khoa học.

- Kỹ năng sử dụng các phần mềm xử lý số liệu cơ bản và nâng cao, khai thác hiệu quả các nguồn tài liệu trên internet, sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, và các hoạt động thực tiễn.

5. Yêu cầu về phẩm chất:

5.1. Trách nhiệm công dân:

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như: có lòng yêu nước, có ý thức phục vụ nhân dân, có trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng, có ý thức chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và chính sách của nhà nước.

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức tốt, năng động, tự chủ, chính trực, có tinh thần phản biện xã hội tích cực.

5.2. Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ:

- Có các phẩm chất của một chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, chuyên nghiệp, trung thực và sáng tạo trong khoa học và trong thực hành tâm lý học.

- Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong giảng dạy, nghiên cứu và thực hành tâm lý học.

6. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Tâm lý học. Có trách nhiệm với các kết quả nghiên cứu của cá nhân về tính khoa học cũng như đạo đức nghiên cứu.

- Đưa ra các ý tưởng, nhận định mới liên quan đến các vấn đề tâm lý con người trong những hoàn cảnh đa dạng và phức tạp khác nhau.

- Thích ứng, tự định hướng, định vị vai trò của nhà tâm lý, và dẫn dắt những người khác trong môi trường biến đổi không ngừng về các mặt kinh tế, xã hội, công nghệ.

- Nhận định, đánh giá, phát ngôn, ra các quyết định đúng đắn, đảm bảo về mặt khoa học và đạo đức của chuyên gia tâm lý học.

- Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc phát triển tri thức chuyên môn, sáng tạo ra các ý tưởng và các hướng nghiên cứu mới trong Tâm lý học.

7. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy Tâm lý học tại các cơ sở giáo dục- đào tạo;
- Nghiên cứu Tâm lý học trong các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các tổ chức liên quan;
- Tham vấn, trị liệu, dự phòng các vấn đề sức khỏe tâm thần và cung ứng dịch vụ tâm lý học trong các cơ quan nhà nước và tư nhân, trong nước và quốc tế, các bệnh viện, trường học, các trung tâm tư vấn, tham vấn tâm lý;
- Quản lý nhân sự, quản lý kinh doanh, tổ chức lao động - việc làm, phát triển nhân sự các phòng ban, các cơ quan đoàn thể.
- Tư vấn chính sách liên quan đến con người trong các lĩnh vực xã hội như: truyền thông, pháp luật, thể thao, nghệ thuật, quản lý, các dự án phát triển cộng đồng, ...

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

NCS có khả năng tự học suốt đời, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hội nhập khu vực và quốc tế.

9. Các chương trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo tiến sĩ có uy tín của quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.

Đại học Minnesota (Universtiy of Minnesota-UMN)

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **131 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: 40 tín chỉ.

+ *Khối kiến thức chung: 4 tín chỉ.*

+ *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 36 tín chỉ*

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: 21 tín chỉ

+ Các học phần NCS: 13 tín chỉ

* *Bắt buộc: 10 tín chỉ*

* *Tự chọn 3 tín chỉ*

+ Chuyên đề NCS: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ

- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

+ Hình thức: Trong thời gian làm NCS, NCS phải tham dự tối thiểu 1 hội thảo quốc tế và phải có bài toàn văn được đăng tại kỷ yếu hội thảo quốc tế này. Tham gia đề tài NCKH của đơn vị đào tạo;

+ Cách đánh giá: Giấy xác nhận tham dự hội thảo và bản toàn văn đăng tải trong kỷ yếu.

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo):

1. Định kỳ 6 tháng 1 lần NCS phải báo cáo kết quả thực hiện công việc với tổ bộ môn dưới hình thức buổi sinh hoạt khoa học.

Và hoàn thành một trong các công việc sau:

Tham gia đề tài NCKH của đơn vị đào tạo;

+ Cách đánh giá: Giấy xác nhận tham dự hội thảo và bản toàn văn đăng tải trong kỷ yếu.

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

1. Định kỳ 6 tháng 1 lần NCS phải báo cáo kết quả thực hiện công việc với tổ bộ môn dưới hình thức buổi sinh hoạt khoa học.

Và hoàn thành một trong các công việc sau:

1. Tham gia trợ giảng ít nhất một nội dung của học phần do tổ bộ môn hoặc GVHD phụ trách;

2. Tham gia hướng dẫn 01 khóa luận/luận văn tốt nghiệp;

3. Hướng dẫn SV thực hiện NCKH sinh viên có kết quả.

Cách thức đánh giá: Biên bản họp tổ và giấy xác nhận đạt yêu cầu của trưởng bộ môn. Xác nhận của thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyên môn.

Phần 5: Luận án tiến sĩ

- Thời lượng: 70 tín chỉ

1.3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 91 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: 21 tín chỉ

+ Các học phần NCS: 13 tín chỉ

* *Bắt buộc:* 10 tín chỉ

* *Tự chọn:* 3 tín chỉ

+ Chuyên đề NCS: 06 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ

- Phần 2: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

+ Hình thức: Trong thời gian làm NCS, NCS phải tham dự tối thiểu 1 hội thảo quốc tế và phải có bài toàn văn được đăng tại kỷ yếu hội thảo quốc tế này.

Tham gia đề tài NCKH của đơn vị đào tạo;

+ Cách đánh giá: Giấy xác nhận tham dự hội thảo và bản toàn văn đăng tải trong kỷ yếu.

- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

1. Định kỳ 6 tháng 1 lần NCS phải báo cáo kết quả thực hiện công việc với tổ bộ môn dưới hình thức buổi sinh hoạt khoa học.

Và hoàn thành một trong các công việc sau:

1. Tham gia trợ giảng ít nhất một nội dung của học phần do tổ bộ môn hoặc GVHD phụ trách;

2. Tham gia hướng dẫn 01 khóa luận/luận văn tốt nghiệp;

3. Hướng dẫn SV thực hiện NCKH sinh viên có kết quả.

Cách thức đánh giá: Biên bản họp tổ và giấy xác nhận đạt yêu cầu của trưởng bộ môn. Xác nhận của thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyên môn.

Phần 4: Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I. Khối kiến thức chung			4				
1	PHI5001	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành							
II.1. Bắt buộc (Compulsory Subjects)			15				
2	PSY 6005	Đạo đức nghề tâm lý (Ethics of psychological profession)	3	32	13	0	
3	PSY 6021	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học (Research design in Psychology)	3	15	30	0	
4	PSY 6028	Tâm lý học xuyên văn hóa (Cross Cultural Psychology)	3	37	8	0	
5	PSY 6030	Tâm lý học tích cực (Positive Psychology)	3	34	11	0	
6	PSY6006	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em (The development of children's thinking and language)	3	29	8	8	
II.2. Tự chọn (Optional Subjects)			21/42				
7	PSY 6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng (Applied social psychology)	3	30	15	0	
8	PSY 6023	Tiếp cận tâm lý trong quản lý nhân sự (The psychological approach in human management)	3	30	15	0	
9	PSY 6029	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn (Psychology of deviant	3	36	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>behavior)</i>					
10	PSY 6037	Đánh giá nhân cách (<i>Personality Assessment</i>)	3	9	26	10	
11	PSY 6024	Tâm lý học kinh tế (<i>The Economic Psychology</i>)	3	30	15	0	
12	PSY 6025	Tâm lý học tội phạm (<i>Criminal Psychology</i>)	3	30	15	0	
13	PSY 6036	Đánh giá trí tuệ (<i>Intellectual Assessment</i>)	3	16	24	5	
14	PSY 6027	Thực hành đánh giá và can thiệp học đường (<i>Assessment and Intervention in School Psychology</i>)	3	15	30	0	
15	PSY 6026	Kỹ năng tham vấn (<i>Counselingskills</i>)	3	25	20	0	
16	PSY 6031	Động thái nhóm và lãnh đạo (<i>Group Dynamics and Leadership</i>)	3	30	15		
17	PSY 6032	Tham vấn bạo lực gia đình (<i>Domestic ViolenceCounseling</i>)	3	20	25	0	
18	PSY 6033	Thực hành tâm lý trị liệu (<i>Psychotherapy Practice</i>)	3	15	30	0	
19	PSY 6007	Tâm lý học giáo dục (<i>Educational Psychology</i>)	3	35	10	0	
20	PSY 6008	Tâm lý học chính trị (<i>The Psychology of Politics</i>)	3	30	15	0	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần			13				
I.1. Bắt buộc (Compulsory Subjects)			10				
21	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu	4	15	30	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		TLH (Modalize and multi-variante analysis in Psychological research)					
22	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại /Psychological Research Issues in the Modern Society	3	30	15	0	
23	Ngoại ngữ học thuật nâng cao(<i>chọn 1 trong các thứ tiếng sau</i>):4						
	ENG 8001	Tiếng Anh	4	0	0	60	
	RUS 8001	Tiếng Nga	4	0	0	60	
	FRE 8001	Tiếng Pháp	4	0	0	60	
	WES 8001	Tiếng Đức	4	0	0	60	
	CHI 8001	Tiếng Trung	4	0	0	60	
I.2. Tự chọn (Optional Subjects)			3/15				
24	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa (Organization Behavior in multi-culture World);	3	10	15	20	
25	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng (Power and Influences)	3	25	15	5	
26	PSY 8013	Tham vấn đa văn hóa (Multicultural Counseling)	3	25	15	5	
27	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm (Psychotherapy for Anxiety and Depression)	3	20	25	0	
28	PSY 8015	Tâm lý học và Phật giáo (Psychology and Buddhism)	3	30	15	0	
II. Chuyên đề NCS (Special Topics Courses)			6				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
28	PSY 8016	Chuyên đề 1 (Special Topics 1)	2	0	0	30	
29	PSY 8017	Chuyên đề 2 (Special Topics 2)	2	0	0	30	
30	PSY 8018	Chuyên đề 3 (Special Topics 3)	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan (Overview)			2				
31	PSY 8012	Tổng quan về tình hình nghiên cứu (Overview of Literature)	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
	PSY900 1	Luận án Tiến sĩ (Dissertation)	70				
Cộng (Total)			131				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I.1. Bắt buộc (Compulsory Subjects)			11				
1.	PSY 6021	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học / Research design in Psychology	3	10	30	5	
2.	PSY 6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng/Applied social psychology	3	25	5	15	
3.	PSY 6023	Tiếp cận tâm lý trong quản lý nhân sự/ The psychological approach in human management	2	25	5	15	
4.	PSY 6006	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em (The development of children's thinking and language)	3	25	5	15	
I.2. Tự chọn (Optional Subjects)			4/8				
5.	PSY 6026	Kỹ năng tham vấn (Counselingskills)	2	25	20	0	
6.	PSY 6027	Thực hành đánh giá và can thiệp học đường (Assessment and Intervention in School Psychology)	2	15	30	0	
7.	PSY 6030	Tâm lý học tích cực/Positive Psychology	2	20	6	4	
8.	PSY 6031	Động thái nhóm và lãnh đạo (Group Dynamics and Leadership)	2	30	15	0	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I. Các học phần NCS			13				
I.1. Bắt buộc (Compulsory Subjects)			10				
9.	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu TLH (Modalize and multi-variante analysis in Psychological research)	3	15	30	0	
10.	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại /Psychological Research Issues in the Modern Society	3	30	0	15	
11.	Ngoại ngữ học thuật nâng cao (chọn 1 trong các thứ tiếng sau):						
	ENG 8001	Tiếng Anh	4	0	0	60	
	RUS 8001	Tiếng Nga	4	0	0	60	
	FRE 8001	Tiếng Pháp	4	0	0	60	
	WES 8001	Tiếng Đức	4	0	0	60	
	CHI 8001	Tiếng Trung	4	0	0	60	
I.2. Tự chọn (Optional Subjects)			3				
11.	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa (Organization Behavior in multi-culture World);	3	10	15	20	
12.	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng (Power and Influences)	3	25	15	5	
13.	PSY8013	Tham vấn đa văn hóa (Multicultural Counseling)	3	25	15	5	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm (Psychotherapy for Anxiety and Depression)	3	20	25	0	
15.	PSY8015	Tâm lý học và Phật giáo (Psychology and Buddhism)	3	30	15	0	
II. Chuyên đề NCS (Special Topics Courses)			6				
16.	PSY 8016	Chuyên đề 1 (Special Topics 1)	2	0	0	30	
17.	PSY 8017	Chuyên đề 2 (Special Topics 2)	2	0	0	30	
18.	PSY 8018	Chuyên đề 3 (Special Topics 3)	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan (Overview)			2				
19.	PSY 8012	Tổng quan về tình hình nghiên cứu (Overview of Literature)	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
20.		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
21.		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
22.	PSY 9001	Luận án Tiến sĩ (Dissertation)	70				
Cộng (Total)			106				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
I	Các học phần tiến sĩ		13				
I.1.	Bắt buộc		10				
1	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu TLH/Modalize and multi-variante analysis in Psychological research	3	15	30	0	
2	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại / Psychological Research Issues in the Modern Society(chuyên đề tiếng Anh)	3	30	0	15	
3.	Ngoại ngữ học thuật nâng cao(chọn 1 trong các thứ tiếng sau):						
	ENG 8001	Tiếng Anh	4	0	0	60	
	RUS 8001	Tiếng Nga	4	0	0	60	
	FRE 8001	Tiếng Pháp	4	0	0	60	
	WES 8001	Tiếng Đức	4	0	0	60	

	CHI 8001	Tiếng Trung	4	0	0	60	
I.2.	Tự chọn		3				
4	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa / Organization Behaviour in multi-culture World	3	10	15	20	
5	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng (Power and Influences)	3	25	15	5	
6	PSY801 3	Tham vấn đa văn hóa (Multicultural Counseling)	3	25	15	5	
7	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm (Psychotherapy for Anxiety and Depression)	3	20	25	0	
8	PSY801 5	Tâm lý học và Phật giáo (Psychology and Buddhism)	3	30	15	0	
I.4	Các chuyên đề tiến sĩ		8				
9	PSY 8016	Chuyên đề 1 (Special Topics 1)	2	0	0	30	
10	PSY 8017	Chuyên đề 2 (Special Topics 2)	2	0	0	30	
11	PSY 8018	Chuyên đề 3 (Special Topics 3)	2	0	0	30	
12	PSY 8012	Tổng quan về tình hình nghiên cứu (Overview of Literature)	2	0	0	30	
II	PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học.							
NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, qui định							

III	PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
12	PSY 9001	Luận án tiến sĩ/ <i>Doctoral Thesis</i>	70				
		Tổng cộng	91				

3. Danh mục tài liệu tham khảo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số giờ tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)
Khối kiến thức chung			4	Theo quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội
1	PHI 5001	Triết học/ Philosophy	4	
Khối kiến thức nhóm chuyên ngành			20	
Bắt buộc			14	
2	PSY 6005	Đạo đức nghề tâm lý (<i>Ethics of psychological profession</i>)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - American Psychological Association, Ethical principles of psychology and code of conduct, www.apa.org_ethics_code_principles.pdf - Bộ quy điều đạo đức cho các nhà tâm lý học Philippin, Giảng viên cung cấp - APS Code of Ethics, www.psychology.org.au 2. Tài liệu tham khảo thêm - Kwong-Liem Karl Kwan. (2003), “The Ethical Practice of Counseling in Asia”, <i>An Introduction to the Special Issue of Asian Journal of Counselling</i>, Vol.10, No.1, 1-10.
3	PSY 6021	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học / Research design in Psychology	3	1. Tài liệu bắt buộc - Phan Thị Mai Hương, Bài giảng <i>Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học</i>, khoa Tâm lý học, Đại học KHXH & NV. - Phan Thị Mai Hương (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học</i>, NXB Khoa học xã hội. - Cronk (2002), <i>How to use SPSS, a step - by – step guide to analyse and interpretation</i>, Pyrczak Publishing. - Elmers, Kantowitz, Roediger III (1989), <i>Research methods in Psychology</i>, West publishing company.

				2. Tài liệu tham khảo thêm - Helmut Kromrey (1999), <i>Nghiên cứu xã hội thực nghiệm</i>, NXB thế giới. - UNDP , <i>Sức mạnh của thiết kế điều tra</i>, NXB thế giới
4	PSY 6028	Tâm lý học xuyên văn hóa/ Cross Cultural Psychology	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Larsen, S. K. & Lê Văn Hảo (2014), <i>Tâm lý học xuyên văn hóa</i>, NXB Đại học Quốc gia. - Larsen K. & Lê Văn Hảo (2010), <i>Tâm lý học xã hội</i>, Nxb Từ điển Bách khoa. - Lê Văn Hảo & Larsen K. (2012), <i>Hành vi tổ chức trong một thế giới luôn thay đổi</i>. - Matsumoto D. (2000), <i>Văn hóa và Tâm lý học</i>, Bản dịch từ tiếng Nga, Khoa Tâm lý học, ĐH KHXH và NV - Matsumoto D. (1997), <i>Culture and mordern life</i>, Brook/Cole Publishing Company, - Matsumoto D. & Juang L. (2004), <i>Culture and Psychology</i>, Thomson & Wadsworth. - Kenneth D. Keith (Ed.) (2010), <i>Cross-Cultural Psychology: Contemporary Themes and Perspectives</i>, Willey-Blacwell. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Lê Văn Hảo (2002), “Tính cộng đồng, tính cá nhân trong tâm lý học văn hóa”, In <i>Tính cộng đồng, tính cá nhân và “cái Tôi” của người Việt Nam hiện nay</i> do Đỗ Long và Phan Mai Hương chủ biên, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 61-106. - Lê Văn Hảo (2005), “Cào bằng hay công bằng? (Hành vi phân chia lợi ích)”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i>(5), tr. 30-33). - Lê Văn Hảo (2009), “Hành vi xã hội trong một số tình huống”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i> (1), tr. 33-37. - Lê Văn Hảo (2006), “Bước đầu tìm hiểu tính cá nhân tính cộng đồng qua quan

			hệ hàng xóm láng giềng ở một xã ven đô”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i>(8), tr. 11-16. - Nguyễn Đức Phúc (2009), <i>Bài giảng Tâm lý học Văn hóa</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. - Larsen K. & Lê Văn Hảo (2010), “Cái tôi từ góc độ văn hóa và xã hội”, <i>Tâm lý học xã hội</i>, tr. 31 – 66 - Berry J. W., Poortinga Y. H. Segall M. H., Dasen P. R. (2002), <i>Cross-Cultural Psychology: Research and Application</i>, Cambridge University Press. - Brislin R. (2000), <i>Understanding culture’s influence on behavior</i>, Harcourt College Publishers, chương 8. - Hao Van Le (co-authored with Shwalb D., Shwalb B., Nakazawa J., Hyun J. H. & Satiadarma M. (2010), “East and Southeast Asia: Japan, South Korea, Vietnam, and Indonesia” (Chapter 23), In Borstein (Ed.) <i>Handbook of Cultural Development Science</i> Psychology Press Taylor & Francis Group, New York, pp. 445-466. - Kitayama S. (2007), <i>Handbook of Cultural Psychology</i>, The Guilford Press. - Smith P. B. & Bond H. (1999), <i>Social Psychology Across Cultures</i>, Allyn & Bacon. Chapter 6. - Triandis, H. (1994), <i>Culture and social behavior</i>, McGraw-Hill, Inc.
5	PSY 6030	Tâm lý học tích cực/Positive Psychology	2 1. Tài liệu bắt buộc: - Bel Sahar, T. (2007), <i>Hạnh phúc hơn</i> (Dương Ngọc Dũng dịch), NXB tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. - Trịnh Thị Linh. (2013), <i>Bài giảng Tâm lý học tích cực</i>. - Seligman, M. E. P., & Csikszentmihalyi, M. (2000), Positive psychology: An introduction, <i>American Psychologist</i>, 55, (1), pp.5-8. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Baumeister, R. F., & Leary, M. R. (1995), “The need to belong: Desire for

				interpersonal attachments as a fundamental human motivation”, <i>Psychological Bulletin</i>, 117, 497-529, pp. 497-503. - McCullough, M. E., & vanOyen Witvliet, C. (2002), “The psychology of forgiveness,. In C.R. Synder & S.J. Lopez (Eds.)”, <i>Handbook of positive psychology</i> (pp. 446-458). New York: Oxford University Press. - Pollay, D.J. (2010), <i>Bài học diệu kỳ từ chiếc xe rác</i> (Nguyễn Thúy Quỳnh dịch), NXB tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh
6	PSY 6006	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em (<i>The development of children's thinking and language</i>)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - L. X. Vugôtski (1997), <i>Tuyển tập tâm lý học</i>, NXB Đại học Quốc gia. - Phạm Minh Hạc (1998), <i>Tâm lý học Vugôtski</i>, Tập 1, NXB Giáo dục. - Phan Trọng Ngọ (Chủ biên, 2003), <i>Các lý thuyết phát triển Tâm lý người</i>, NXB Đại học Sư phạm. - Phạm Minh Hạc (1996 Tuyển chọn, chủ biên), <i>Tuyển tập Tâm lý học Piaget</i>, NXB Giáo dục. 2. Tài liệu tham khảo thêm: - Phan Trọng Ngọ (chủ biên), <i>Tâm lý học trí tuệ</i>, NXB ĐHQGHN. - J. Piaget - Barbel Inhelder Vĩnh Bang (2000), <i>Tâm lý học trẻ em và ứng dụng Tâm lý học Piaget vào trường học</i>, NXB Đại học Quốc gia. - Nguyễn Thạc (2003), <i>Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu sự phát triển của trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm.
	Tự chọn			
7	PSY 6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng/Applied social psychology	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Vũ Dũng (chủ biên)(2011), <i>Tâm lý học xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, NXB Từ điển bách khoa. - Vũ Dũng (chủ biên, 2012), <i>Thích ứng xã hội của các nhóm yếu thế ở nước ta hiện nay</i>, NXB Từ điển bách khoa.

			- Hoàng Mộc Lan (2013) , Bài giảng <i>Tâm lý học xã hội</i>, Đại học Quốc Gia Hà Nội. - K.Larsen, Lê Văn Hảo (2010), <i>Tâm lý học xã hội</i>, NXB Từ điển bách khoa. - Văn Hòa Đỗ, Khắc Thâm Trình (2009), <i>Nghiên cứu di dân ở Việt Nam</i>, NXB Nông Nghiệp. - Lê Thị Quý, Đặng Vũ Cảnh Linh (2007), <i>Bạo lực gia đình- Một sự sai lệch giá trị</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội. 2 . Tài liệu tham khảo - Phương Kỳ Sơn (chủ biên, 2000), <i>Tâm lý học xã hội - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, NXB Chính trị Quốc gia - Đặng Phương Kiệt (2009), <i>Tâm lý học ứng dụng</i>, NXB Khoa học kỹ thuật. -Steven.J.Brekler, JM.Olson,E.C.Winggins (2006), <i>Social psychology alive</i>, Thomson Wadsworth USA.
8	PSY 6023	Tiếp cận tâm lý trong quản lý nhân sự/ The psychological approach in human management	2 1. Tài liệu bắt buộc: - Trần Kim Dung (2011): Quản trị nguồn nhân lực. NXB Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh - Nguyễn Thành Hội (1999): <i>Quản trị nhân sự</i>. NXB Thống kê - Nguyễn Hải Khoát (1996): <i>Những khía cạnh tâm lí của công tác cán bộ</i>. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. - Tucker M, McCarthy A, Benton DA (2010): The Human Challenge. Publishing house Prentice Hall. - William B. Werther, Jr. Keith Davids (1996): <i>Human Resources and Personnel Management Fifth Edition</i>. 2. Tài liệu tham khảo: - Phạm Thành Nghị (Chủ biên)-2007: Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. NXB Khoa Học Xã

				Hội - Nguyễn Hữu Thụ (2007): Tâm lý học quản trị kinh doanh. NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội - Brian E.Becker - Mark A.Huselid (2002): <i>Dave Ulrich - Quản trị nhân sự</i>. NXB Thành phố Hồ Chí Minh
9	PSY 6029	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn/ <i>Psychology of deviant behavior</i>	3	1.Tài liệu bắt buộc: - Paul Bennett. Tâm lý học dị thường và lâm sàng. Nguyễn Sinh Phúc dịch. Phòng tư liệu Khoa TLH. - Kaplan, H.B., Tolle Jr., G.C. (2006), <i>The cycle of Deviant Behavior. Investigating Intergenerational Parallelism</i>, Ed. Springer. - Comer, R.J. (2007), <i>Abnormal Psychology</i>, (6thed.) New York: Freedman. - E.-J. Espinoza Sandoval (2010), <i>The role of parental emotional support in the development of adolescents' deviant identity</i>, UMI Dissertation Publishing, ProQuest LLC. 2. Tài liệu tham khảo: - <i>Những người vi phạm pháp luật trong thanh niên</i>. Nxb. Pháp lý, 1986. - Thái Duy Tuyên (1994), <i>Định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường</i>, Hà Nội, Phòng tư liệu Khoa TLH. - Nguyễn Thị Minh Hằng (2005), “Đặc điểm cá nhân và ý nghĩa của chúng trong quá trình xã hội hóa trẻ em”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i>(11), tr.25 – 28. - Ngô Công Hoàn, Trương Thị Khánh Hà (2011), <i>Tâm lý học khác biệt</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Phòng tư liệu khoa TLH
10	PSY 6037	Đánh giá nhân cách (<i>Personality Assessment</i>)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Nguyễn Sinh Phúc (2007), <i>Các phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học lâm sàng</i>, Giáo trình, Khoa Tâm lý học. 2. Học liệu tham khảo thêm:

				- Trần Trọng Thuỷ (1982), <i>Khoa học chẩn đoán tâm lý</i>, Nxb Giáo dục. - Ngô Công Hoàn (chủ biên) (1997), <i>Những trắc nghiệm tâm lý</i>, Tập 2. Nxb. ĐHQGHN. - Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Sinh Phúc (2004), <i>Trắc nghiệm tâm lý lâm sàng</i>, Nxb. Quân đội nhân dân. - Antony Martin M., & Barlow, David H. (edited) (2002), <i>Handbook of assessment and treatment planning for psychological disorders</i>, The Guilford Press. - J.S. Flanagan & R.S. Flanagan. Clinical interviewing (2006), <i>Third Edition</i>. John Wiley & Sons, Inc., - Карвасарский Б.Д. (Под редакцией) (2004), <i>Клиническая психология Учебник для вузов. Изд. Питер</i>, Санкт-Петербург. - Ианшин П.В. Клиническая практика (2004), <i>Методы изучения личности</i>, Изд. Питер. Санкт-Петербург.
11	PSY 6024	Tâm lý học kinh tế/ <i>The Economic Psychology</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Nguyễn Hữu Thụ (2007), <i>Tập bài giảng Tâm lý học kinh tế</i>. - Paul Albou (1997), <i>Tâm lý học kinh tế</i>, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội (dịch từ tiếng Pháp). - Phạm Tất Dong (chủ biên, 1993), <i>Tâm lý học kinh doanh</i>, Hội khoa học Tâm lý-Giáo dục Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo tại thành phố Hồ Chí Minh. - W. Fred Van Raau, Gery M. Van Veldhoven, Karl-Erik Wanerud (1999), <i>Handbook of Economic Psychology</i>, Kluwer Academic Publishers. 2. Học liệu tham khảo - Erich Kirchler (2007), <i>The Economic Psychology of Tax Behaviour</i>. Cambridge University Press. - A.L Juravlop & A.B Kypreichenco (2004), <i>Các vấn đề tâm lý học kinh tế</i>, Tập

				1, Tập 2, NXB Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Nga (tiếng Nga) - Thế Trường (2005), <i>Tìm hiểu thị trường kinh tế tri thức</i>, NXB Giáo dục,
12	PSY 6025	Tâm lý học tội phạm/Criminal Psychology	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Nguyễn Hồi Loan- Đặng Thanh Nga (2004), <i>Tâm lý học pháp lý</i>, Nxb ĐHQG Hà Nội. - Đặng Thanh Nga (Chủ biên) (2009), <i>Tâm lý học tư pháp</i>, Nxb Công an nhân dân. Hà Nội. - Đặng Thanh Nga – Trương Quang Vinh (2011), <i>Người chưa thành niên phạm tội- Đặc điểm tâm lý và chính sách xử lý</i>, Nxb Tư pháp, Hà Nội. 2. Tài liệu tham khảo: - Bộ luật Hình sự năm 1999, Nxb Tư pháp, Hà Nội 2009. - Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Nxb Tư pháp, Hà Nội 2009. - Phạm Minh Hạc (1983), <i>Hành vi và hoạt động</i>. Viện khoa học giáo dục. Hà Nội. - Nguyễn Xuân Yêm (2001), <i>Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm</i>, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội. - Nguyễn Đình Lục (1990), <i>Giáo dục pháp luật và quá trình hình thành nhân cách</i>, Nxb Pháp lý. Hà Nội. - Antonhia. Iu. I, Enhikev. M. I, Ieminov. V. E (1996), <i>Tâm học tội phạm và điều tra tội phạm</i>, Nxb Pháp lý. Matscova (tiếng Nga).
13	PSY 6036	Đánh giá trí tuệ (Intellectual Assessment)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Đại học Giáo dục, ĐHQGHN (2013), <i>Cẩm nang hướng dẫn cách tiến hành và tính điểm trắc nghiệm WISC-IV</i> phiên bản Việt. - Đại học Giáo dục, ĐHQGHN, <i>Cẩm nang hướng dẫn cách tiến hành và tính điểm trắc nghiệm WAIS-IV</i> phiên bản Việt (tài liệu dịch chưa xuất bản)

			- Khoa Tâm lý học, ĐHKHXH&NV, <i>Cẩm nang hướng dẫn cách tiến hành và tính điểm trắc nghiệm Vineland-II</i> (tài liệu dịch chưa xuất bản) - Trần Thành Nam, <i>Đề cương bài giảng học phần Đánh giá trí tuệ</i> (lưu hành nội bộ) 2. Tài liệu tham khảo thêm: - Sparrow, S.S., Cicchetti, D.V., Balla, D.A. (2005), <i>Vineland Adaptive Behavior Scales, Second Edition: Survey Forms Manual</i>. Pearson Assessments: Minneapolis, MN. - Goldberg, Dill, Shin, Nguyen Viet Nhan (2009), “Reliability and validity of the Vietnamese Vineland Adaptive Behavior Scale with preschool-age children”, <i>Research in Developmental Disabilities</i>, vol 30, pp. 529 – 602. - Ngô Công Hoàn (1997), <i>Những trắc nghiệm tâm lý</i>, Tập 1, NXB Giáo dục. - Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đặng Hoàng Minh, Bùi Thị Thúy Hằng, Trần Thành Nam, Trần Văn Công, Nguyễn Cao Minh (2011), <i>Phương pháp và quy trình thích nghi trắc nghiệm tâm lý nước ngoài vào Việt Nam: Một số kinh nghiệm rút ra từ việc thích nghi các trắc nghiệm WISC-IV, WAIS-IV, NEO-PI và CPAI</i>, Hội thảo Tâm lý học học đường - Huế. - Trần Thành Nam (2014), “Nghiên cứu tương quan giữa điểm số trí tuệ đo bằng trắc nghiệm WISC-IV phiên bản Việt và thành tích học tập của học sinh lớp 8”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i> (2) - Trần Thành Nam (2014), “So sánh kết quả trắc nghiệm WISC-IV và Raven màu trên bệnh nhi tới khám và điều trị tại Khoa Tâm thần trẻ em – Bệnh viện Tâm thần Đà Nẵng”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i> (4).
14	PSY 6027	Thực hành đánh giá và can thiệp học đường/ <i>School Assessment and</i>	3 1. Tài liệu bắt buộc: - Nguyễn Thị Minh Hằng, Giáo trình <i>Tâm lý học học đường</i>, Trường ĐHKHX&NV.

		<i>Intervention</i>		- Peacock G. G.; Ervin R.A.; Daly Edward J. III; Merrell K.W. (2010) <i>Practical Handbook of School Psychology. Effective Practices for the 21st Century</i>. The Guilford Press, New York & London. 2. Tài liệu tham khảo: - Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN và Trường ĐHSPHN (2009, 2010, 2011), <i>Tài liệu các khóa tập huấn về tâm lý học đường</i>. - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần 1 về Tâm lý học đường ở Việt Nam “<i>Nhu cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam</i>”, Hà Nội, tháng 8/2009. - Kỷ yếu hội thảo quốc tế “<i>Tâm lý học đường: triển khai áp dụng vào thực tiễn nhà trường Việt Nam</i>” Hà Nội, tháng 10/2009. - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần 2 về Tâm lý học đường ở Việt Nam “<i>Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành Tâm lý học đường tại Việt Nam</i>”; TP. Huế, tháng 1/2011. - Nguyễn Thị Oanh (2006), <i>Tư vấn tâm lý học đường</i>, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh
15	PSY 6026	Kỹ năng tham vấn/ Counselingskills	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Trần Thị Minh Đức (2009), <i>Tham vấn tâm lý</i>, NXBĐHQGHN. - Trần Thị Minh Đức (2010), <i>Kỹ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật</i>, tổ chức Plan Việt nam tài trợ và xuất bản (tiếng việt và tiếng Anh). 2. Tài liệu tham khảo: - Bùi Xuân Mai (chủ biên) (2008), <i>Giáo trình tham vấn</i>, NXB.LĐXH. - Nguyễn Thơ Sinh (2006), <i>Tư vấn tâm lý căn bản</i>, Nxb Lao động. - Kathryn G. & David G. (2000), <i>Công tác tham vấn trẻ em</i> (Nguyễn Xuân nghĩa và Lê Lộc dịch), Đại học Mở-Bán công, TPHCM, khoa phụ nữ học. - Duane Brown, Walrer B. Pryznasky, Ann C. Schulte, <i>Tâm lý học tư vấn</i>, bản

				địch tiếng Anh của nhóm tác giả PGS,TS Nguyễn Hữu Thụ, Trương Phúc Hưng, Nguyễn Thế Hiếu, Vũ Hồng Phong.
16	PSY 6031	Động thái nhóm và lãnh đạo/Group Dynamics and Leadership	2	1. Tài liệu bắt buộc: - Trần Thị Minh Đức (2008), <i>Các thực nghiệm trong Tâm lý học xã hội</i>, NXB.Đại học Quốc gia Hà Nội. - Donelson R. Forsyth (2009), <i>Group Dynamics</i>. Wadsworth Publishing Company, 5 edition. - Vũ Dũng (chủ biên) (2000), <i>Tâm lý học xã hội</i>, NXB KHXH, Hà Nội. - Paul Hersey, Ken Blanc Hard (2003), <i>Quản trị hành vi tổ chức</i>, NXB Thống kê. 2. Tài liệu tham khảo: - Marvin E. Shaw (1971), <i>Group Dynamics: The Psychology of Small Group Behavior</i>, New York; McGraw-Hill. -John Maxwell (2009),<i>Nhà lãnh đạo 360 độ</i>, NXB. Lao động-xã hội. - Hubert K.Rampersad (2008),<i>Định vị cá nhân</i>, NXB.Lao động-xã hội, Hà Nội.
17	PSY 6032	Tham vấn bạo lực gia đình/Domestic ViolenceCounseling	2	1. Tài liệu bắt buộc: - Trần Thị Minh Đức (2009), <i>Giáo trình tham vấn</i>, NXBĐHQGHN. - Trần Thị Minh Đức (2010), <i>Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội</i>, NXBĐHQGHN. - E.D.Neukrug (1999), “The wolrd of the Counselors, Brooks/cole publishing company”,<i>Tham vấn gia đình</i>, bản dịch tiếng Việt. 2. Tài liệu tham khảo: - Brigitte Dollé – Monglond (1998), <i>Đại cương về trị liệu gia đình: ý tưởng và thực hành, dấu ấn gia đình</i>, NXB ESF, bản dịch của Trần Thị Minh Đức và cs. - Maurice Porot (1956),<i>Trẻ em và quan hệ gia đình</i>, bản dịch của Vũ Thị Chín, nhà xuất bản Thế Giới, 2004.

				- Luật phòng chống bạo lực gia đình (2007), - http://www.luatgiapham.com/phap-luat/6-dan-su/16-luat-phong-chong-bao-luc-gia-dinh-2007.html.
18	PSY 6033	Thực hành tâm lý trị liệu/ <i>Psychotherapy Practice</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc: - Võ Văn Bản (2001), <i>Thực hành điều trị tâm lý</i>. NXB Y học. - Nguyễn Công Khanh (2000), <i>Tâm lý trị liệu</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2. Tài liệu tham khảo: - Văn Thị Kim Cúc (2002). <i>Thực hành Tâm lý học lâm sàng</i>. Đề tài cấp trường ĐHKHXH và NV. - Corsini Raymond J., Wedding Danny (2008), <i>Current Psychotherapy</i>, 8th Ed. Thomson Books/Cole. - Christopher R. Martell, Sona Dimidjian, and Ruth Herman-Dunn (2010), <i>Behavioral activation for depression: a clinician's guide</i>, Guilford Press. - Chrissie Verduyn, Julia Rogers and Alison Wood (2009), <i>Depression : cognitive behaviour therapy with children and young people</i>, Pub. By Routledge. - Rygh, Jayne L., Anderson William C. S. (2004), <i>Treating generalized anxiety disorder : evidence-based strategies, tools, and techniques</i>, Guilford Press
19	PSY 6007	Tâm lý học giáo dục (<i>Educational Psychology</i>)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Phạm Thành Nghị (2013), <i>Giáo trình Tâm lý học giáo dục</i>, Hà Nội. - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên) (2009), <i>Tâm lý học giáo dục</i>, Nxb ĐHQGHN. 2. Tài liệu tham khảo: - Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1989), <i>Tâm lý học</i>, Tập 2, Nxb Giáo dục. - Lê Văn Hồng (chủ biên) (2001), <i>Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</i>, Nxb ĐHQGHN.

				-Phạm Toàn (2008), <i>Hợp lưu các dòng Tâm lý học giáo dục</i> , Nxb Tri thức. - Nguyễn Thạc- Phạm Thành Nghị (2007), <i>Tâm lý học sư phạm đại học</i> , Nxb Giáo dục. - John W.Santrock (2006), <i>Educational Psychology: Class room update: Preparing for Praxis™ and Practice</i> , McGraw-Hill Higher Education, 2 nd edition.
20	PSY 6008	Tâm lý học chính trị (<i>The Psychology of Politics</i>)	3	1. Tài liệu tham khảo -DB Olsanxki (Tiếng Nga) (2001), <i>Cơ sở của tâm lý học chính trị</i> . - Tâm lý học chính trị (1996), <i>L Ia Godman; EB Sectopal</i> (Tiếng Nga), NXB phenikc - Political Psychology (2003), <i>John T. Jost, Jim Sidanius, Psychology Press</i> , New York and Hove - The Psychology of Politics (1984), <i>William F. Stone, Paul E. Schaffner</i> , Springer-Verlag
	Học phần Tiên sĩ			
21	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu TLH/ Modalize and multi-variant analysis in Psychological research	4	1. Tài liệu bắt buộc: - Brian C. Cronk (2004), <i>How to use SPSS, a step by step guide to analyse and interpretation</i> , Pyrczak Publishing - Thông kê cơ sở và phân tích dữ liệu định lượng – Tập bài giảng của giảng viên 2. Tài liệu tham khảo: - Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu với SPSS</i> , NXB Hồng Đức.
22	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu TLH trong XH hiện đại /Psychological	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Richard H.D. & James A. (2008).Psychological Problems and Social Needs. Chapter II, in Dana R.H. & J. Allen, <i>International and Cultural Psychology</i> –

		Research Issues in the Modern Society.	<i>Cultural Contemporary Training in a Global Society</i>, Springer & Business Media. - Arnett J.J. (2002), <i>The Psychology of Globalization</i>, <i>American Psychologist</i>, October, pp. 773-783 - Dimitrijevic T. IT and Psychology: New Trends, dimitrijevic@city.academic.gr - Krut R. Olson J. Banaji M., Bruckman A., Cohen J. & Couper M.: <i>Psychological Research Online: Opportunities and Challenges</i> - Lu, Luo, Grilmour, Robin; Kao Shau-Fang (2001), Cultural Values and Happiness: An East – West Dialogue, <i>The Journal of Social Psychology</i>, 141 (4), pp.477-493. - Riggs D.W. (2005), <i>Gay and Lesbian Issues and Psychology Review</i>, Vol. 1, No. 2; <i>The Australian Psychological Society Ltd.</i> 2. Tài liệu tham khảo: - Naz. A., Khan W., Hussain M., Paraz U. (2011), <i>The Crisis of Identity: Globalization and its impacts on Socio-Cultural and Psychological Identity among Pachtuns of Khyber Pakhtun Khwa</i>, Pakistan. -Idris M.A., Dollard M.F.& Winefield A.H. (2011), “The Effect of Globalization on Employee Psychological Health and Job Satisfaction in Malaysian Workplaces”, <i>Journal of Occupational Health</i>, No. 53, pp. 471-454 - Skitka & Sargis E. <i>Social Psychological Research and the Internet: The Promise and Peril of a New Methodological Frontier</i> (Research Paper). - Loomis J., Blascovich J. & Beall A. (1999), “Immersive Virtual Environment Psychology as a Basic Research Tool in psychology”, <i>Behavior Research Methods, Instrument & Computers</i>, 31 (4), pp. 557-564. - Esser, Hartmut (2006), “Migration, language & Integration”, <i>AKI Research</i>
--	--	--	--

				Review (4) - Wellace A. (2005), “Buddhist and Psychological Perspective on Emotions and Well-Being”, <i>Current Direction in Psychological Science</i>, Vol. 14, No. 2.
23	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa / Organization Behaviour in multi-culture World	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Lê Văn Hào & K. S. Larsen (2012). <i>Hành vi tổ chức trong một thế giới luôn thay đổi</i>. Nxb Đại học Quốc gia. - Larsen K. & Lê Văn Hào (2010), <i>Tâm lý học xã hội</i>, Nxb Từ điển Bách khoa. - Larsen K. & Lê Văn Hào (2014), <i>Tâm lý học xuyên văn hóa</i>, Nxb Đại học Quốc gia. - Champoux J. E. (2003), <i>Organizational behavior: Essential Tenets</i>, Second Edition, Thomson South-Western. - Vũ Dũng (2006), <i>Giáo trình Tâm lý học quản lý</i>, Nxb Đại học Sư phạm. Kotter J. P. (1990), <i>A force for change. How leadership differs from management</i>, The free press a division of macmillan, Inc. 2. Tài liệu tham khảo: - Triandis, H. (1994), <i>Culture and social behavior</i>, McGraw-Hill, Inc. - Hofstede G. (1991), <i>Culture and Organizations Software of the mind</i>, McGraw-Hill Book Company. - Muchinsky P. (1996), <i>Psychology applied to work</i>, Books/Cole Publishing Company; ITP - Aamodt M. & Raynes B. (2001), <i>Human Relations in Business</i>, Wadsworth and Thomsoson Learning.
24	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng (Power and Influences)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Nguyễn Hữu Lam (1997). <i>Nghệ thuật lãnh đạo</i>. NXB Giáo Dục - Cẩm nang kinh doanh Harvard (2005), <i>Quyền lực và tầm ảnh hưởng</i>. NXB Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

				2. Tài liệu tham khảo: - Andrew J Dubrin, Carol Daglish, Perter Miller. Leadership (2006). Harvard School Press - Zankovxki A.N (2002), <i>Tâm lý học tổ chức</i>, NXB. Flinta, Mastxcova, Tài liệu dịch. - Phillip L. Hunsaker (2001), <i>The Traing Management Skills. Prentice Hall, Upper Saddle River</i>, New Jersey 07458 - Editor Peter Herriot (2002), <i>Psychological Management of Individual Performance</i>, John Wiley & Son. Ltd
25	PSY 8013	Tham vấn đa văn hóa (Multicultural Counseling)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - John A. Axelson (1993), <i>Counseling and development in a multicultural society</i>, Edition Brooks/Cole Publishing Company. 2. Tài liệu tham khảo: - Buckley, T. R., & Foldy, E. G. (2010), “A Pedagogical Model for Increasing Race-Related Multicultural Counseling Competency 1ψ7”, <i>The Counseling Psychologist</i>, 38(5), 691-713. Doi: 10.1177/001100000936091 - D'Andrea, M., & Heckman, E. F. (2008), “A 40-Year Review of Multicultural Counseling Outcome Research: Outlining a Future Research Agenda for the Multicultural Counseling Movement”, <i>Journal of Counseling & Development</i>, 86(3), 356-363. doi: doi:10.1002/j.1556-6678.2008.tb00520.x - Ober, A. M., Granello, D. H., & Henfield, M. S. (2009), “A Synergistic Model to Enhance Multicultural Competence in Supervision”, <i>Counselor Education and Supervision</i>, 48(3), 204-221. Doi: doi:10.1002/j.1556-6978.2009.tb00075.x - Reynolds, A. L. (2011), “Understanding the perceptions and experiences of faculty who teach multicultural counseling courses: An exploratory study”, <i>Training and Education in Professional Psychology</i>, 5(3), pp. 167-174.

				doi: 10.1037/a0024613 - Toporek, R. L., Lewis, J. A., & Crethar, H. C. (2009), “Promoting Systemic Change Through the ACA Advocacy Competencies”, <i>Journal of Counseling & Development</i> , 87(3), pp.260-268. doi: doi:10.1002/j.1556-6678.2009.tb00105.x
26	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm (Psychotherapy for Anxiety and Depression)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Corsini J. & Wedding D. (Eds.) (2008), <i>Tâm lý trị liệu đương đại (Current Psychotherapy – 8 ed)</i> , Người dịch: Hoàng Nam Phương, Nguyễn Thị Minh Hằng, Nguyễn Việt Hoàng. - Nguyễn Thị Minh Hằng (Chủ biên), Trần Thành Nam, Nguyễn Bá Đạt, Nguyễn Ngọc Diệp (2017), <i>Tâm lý học lâm sàng</i> , NXB. Đại học Quốc gia HN. - Rygh, J. L. & Sanderson, W.C. (2004), <i>Treating generalized anxiety disorder: evidence-based strategies, tools, and techniques</i> . NY: Guilford Press. - Martell, C.R., Dimidjian, S. & Herman-Dunn R. (2010), <i>Behavioral activation for depression: a clinician’s guide</i> . NY: Guilford Press. 2. Tài liệu tham khảo: - Mufson L. (2004), <i>Interpersonal psychotherapy for depressed adolescents</i> , 2nd ed. NY: Guilford Press. - Rosenfeld G.W. (2009), <i>Beyond Evidence-Based Psychotherapy, Fostering the Eight Sources of Change in Child and Adolescent Treatment</i> , NY: Routledge.
27	PSY 8015	Tâm lý học và Phật giáo (Psychology and Buddhism)	3	1. Tài liệu bắt buộc: - Thích Thiện Hoa (2006), <i>Phật học phổ thông</i> , NXB. Tôn giáo. - Kabat-Zinn, J. (1990), <i>Full catastrophe living, Using the wisdom of your body and mind to face stress, pain, and illness</i> , NY: Delta Trade Paperbacks. - Nguyễn Thị Minh Hằng, Đặng Hoàng Ngân (2018), <i>Phật giáo và Tâm lý học</i> , NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

			- Thích Nhất Hạnh (2014), <i>Trái tim của Bụt</i>, Nxb. Tổng hợp TPHCM. - Eisendrath, S., Chartier, M. Mclane, M. (2011), “Adapting mindfulness-based cognitive therapy for Treatment-Resistance Depression”, <i>Cognitive and Behavioral Practice</i>(18), pp.362-370. -Linehan, M. (1993), <i>Skills Training Manual for Treatment of Borderline Personality Disorder</i>, New York: Guilford Press. 2. Tài liệu tham khảo: - Van Dijk, S., & Ebrary, Inc. (2012), <i>DBT Made Simple: A Step-by-Step Guide to Dialectical Behavior Therapy</i>, Oakland, CA: New Harbinger Publications. -Gunaratana, B.H. (2009), <i>Bát chánh đạo – con đường đến hạnh phúc</i>, Theo dấu chân Phật. NXB. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh. - Chapman, A., & Rosenthal, M. (2016), <i>Managing therapy-interfering behavior: Strategies from dialectical behavior therapy</i>, Washington, DC: American Psychological Association. - Ruiz, F.J. (2010), “A Review of Acceptance and Commitment Therapy (ACT) Empirical Evidence: Correlational, Experimental Psychopathology, Component and Outcome Studies”, <i>International Journal of Psychology and Psychological Therapy</i>, 10(1), pp. 125-162
--	--	--	---

4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.	PHI 5001	Triết học (<i>Philosophy</i>)	3	Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội			
2	PSY 6005	Đạo đức nghề tâm lý (<i>Ethics of psychological profession</i>)	3	1. Bùi Thị Hồng Thái 2. Trịnh Thị Linh	PGS. TS PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
3	PSY 6021	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học / Research design in Psychology	3	1. Phan Thị Mai Hương 2. Nguyễn Văn Lược	PGS. TS PGS.TS	Tâm lý học	Viện Tâm lý học ĐHKHXXH&NV
4	PSY 6028	Tâm lý học xuyên văn hóa/ Cross Cultural Psychology	3	1. Lê Văn Hảo 2. Trịnh Thị Linh	PGS. TS PGS. TS	Tâm lý học	Viện Tâm lý học ĐHKHXXH&NV
5	PSY 6030	Tâm lý học tích cực / Positive Psychology	3	1. Trịnh Thị Linh 2. Nguyễn Hạnh Liên	PGS. TS TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
6	PSY 6006	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em (<i>The development of children's thinking and language</i>)	3	1. Trương Thị Khánh Hà 2. Nguyễn Văn Lược	PGS. TS PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
7	PSY 6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng/ Applied social psychology	3	1. Vũ Dũng 2. Hoàng Mộc Lan	GS.TS. PGS.TS	Tâm lý học	Viện Tâm lý học ĐHKHXXH&NV

8	PSY 6029	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn/ <i>Psychology of deviant behavior</i>	3	1. Trần Thu Hương 2. Đặng Hoàng Ngân	PGS. TS TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
9	PSY 6023	Tiếp cận tâm lý trong quản lý nhân sự / <i>The psychological approach in human management</i>	3	1. Nguyễn Hữu Thụ 2. Lê Thị Minh Loan	GS TS PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
10	PSY 6037	Đánh giá nhân cách (<i>Personality Assessment</i>)	3	1. Nguyễn Sinh Phúc 2. Nguyễn Thị Minh Hằng	PGS. TS PGS. TS	Tâm lý học	BV Quân y 103 ĐHKHXXH&NV
11	PSY 6024	Tâm lý học kinh tế/ <i>The Economic Psychology</i>	3	1. Nguyễn Hữu Thụ 2. Phạm Mạnh Hà	GS.TS TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
12	PSY 6025	Tâm lý học tội phạm/ <i>Criminal Psychology</i>	3	1. Đặng Thanh Nga 2. Chu Văn Đức	TS TS.	Tâm lý học	Trường Đại học Luật Hà Nội
13	PSY 6036	Đánh giá trí tuệ (<i>Intellectual Assessment</i>)	3	1. Trương Thị Khánh Hà 2. Trần Thành Nam	PGS TS PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHGD, ĐHQGHN
14	PSY 6027	Thực hành đánh giá và can thiệp học đường/ <i>School Assessment and Intervention</i>	3	1. Nguyễn T. Minh Hằng 2. Nguyễn Văn Công	PGS.TS TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHGD, ĐHQGHN
15	PSY 6026	Kỹ năng tham vấn/ <i>Counselingskills</i>	3	1. Trần thị Minh Đức 2. Nguyễn Thị Anh Thư	GS.TS TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV Trường ĐHLĐXH
16	PSY 6031	Động thái nhóm và lãnh đạo/ <i>Group Dynamics and Leadership</i>	3	1. Lê Thị Minh Loan 2. Nguyễn Thị Mai Lan	PGS.TS TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV Học viện Khoa học Xã hội

17	PSY 6032	Tham vấn bạo lực gia đình/Domestic Violence Counseling	3	1. Trần Thị Minh Đức 2. Nguyễn Bá Đạt	GS.TS TS	Tâm lý học	ĐHKHXH&NV
18	PSY 6033	Thực hành tâm lý trị liệu/Psychotherapy Practice	3	1. Nguyễn Thị Minh Hằng 2. Nguyễn Sinh Phúc	PGS.TS PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXH&NV BV Quân y 103
19	PSY 6007	Tâm lý học giáo dục (Educational Psychology)	3	1. Nguyễn Văn Lược 2. Phạm Thu Hoa	PGS. TS PGS. TS	Tâm lý học	ĐHKHXH&NV
20	PSY 6008	Tâm lý học chính trị (The Psychology of Politics)	3	1. Nguyễn Hữu Thụ 2. Lê Thị Minh Loan	GS TS PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXH&NV
Học phần tiên sĩ							
21	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa biến trong nghiên cứu TLH / Modalize and multi-variante analysis in Psychological research	4	1. Phan Thị Mai Hương 2. Trương Khánh Hà	PGS. TS PGS.TS	Tâm lý học	Viện Tâm lý học ĐHKHXH&NV
22	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại / Psychological Research Issues in the Modern Society.	3	1. Phạm Thành Nghị 2. Trương Thị Khánh Hà	GS.TS PGS.TS	Tâm lý học	Viện Tâm lý học ĐHKHXH&NV
23	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa/ Organization Behaviour in multi-culture World	3	1. Lê Văn Hảo 2. Trịnh Thị Linh	PGS. TS PGS. TS	Tâm lý học	Viện Tâm lý học ĐHKHXH&NV

24	PSY 8013	Tham vấn đa văn hóa Multicultural counseling	3	1. Nguyễn Bá Đạt 2. Trần Thị Minh Đức	TS GS. TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
25	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm Psychotherapy for Anxiety and Depression	3	1. Nguyễn Thị Minh Hằng 2. Trần Thu Hương	PGS. TS PGS. TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
26	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng Power and influence	3	1. Nguyễn Hữu Thụ 2. Lê Thị Minh Loan	PGS.TS PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
27	PSY 8015	Tâm lý học và phật giáo Psychology and Buddhism	3	Nguyễn Thị Minh Hằng	PGS.TS	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV

4. Danh sách cán bộ đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác	Đủ điều kiện làm cán bộ hướng dẫn		Tiêu chuẩn đạt được (*)
					Hướng dẫn chính	Hướng dẫn phụ	
1	Trần Thị Minh Đức	GS. TS	Tâm lý học	ĐHKHXH &NV	X		1. Các đề tài KH&CN các cấp đã chủ trì - 2011-2013 Thanh thiếu niên với game bạo lực- Thực trạng và giải pháp, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (Nafosted), mã số VII-2010.02 - 2013-2015: <i>Rối loạn tâm lý ở Phụ nữ sau sinh – Thực trạng và giải pháp</i>, Nhóm A, ĐHQGHN - 2014-2016: <i>Nghiên cứu thực trạng hoạt động trợ giúp tâm lý nhằm xây dựng bộ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho các nhà Tâm lý học Việt Nam Nafosted VII.1-2013.10</i> 2. Các bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế (5 năm gần đây) - Bui Thi Hong Thai, Tran Thi Minh Duc (2017), “Vietnamese employee work engagement. Influence of organizational socialization tactics and work-home interactions”, <i>The European Proceedings of Social & Behavioural Sciences</i>, ISSN: 2357-

							1330, pp. 687-700. <u>DOI: 10.15405/epsbs.2017.10.66</u>
2	Nguyễn Hữu Thụ	GS. TS	Tâm lý học	Nt	X		1.Đề tài NCKH đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện - Định hướng giá trị của người lao động trong một số doanh nghiệp Hà Nội hiện nay (2013)- Chủ trì - Tính sáng tạo của tổ chức trong doanh nghiệp (2013)- Tham gia - Nhu cầu và cơ hội việc làm của người nông dân trong vùng đô thị hóa ở Hà Nội (2013)- Chủ trì - Đặc điểm tâm lý nông dân Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế (2014)-Chủ trì - Tính tích cực của người lao động trong các doanh nghiệp Việt Nam (2016)-Tham gia.
3	Hoàng Mộc Lan	PGS. TS.	Tâm lý học	Nt	X		- Hoang Moc Lan (2015), “Self-care behavior in health of the elderly in Vietnam”, <i>International journal of scientific research</i> (India) (2), ISSN: 2277-8179. - Hoang Moc Lan (2017), “Death attitudes and perception about the death of the Vietnamese elderly”, <i>Open journal of social sciences (India)</i> (5,) ISSN: 300-317.
4	Trương Thị Khánh Hà	PGS. TS.	Tâm lý học	Nt	X		- Truong Thi Khanh Ha, Nguyen Van Luot, J Różycka-Tran (2015) Similarities and differences in values between Vietnamese parents and adolescents, <i>Health psychology report</i>, University of Gdansk, Poland / ISSN: 2353-4184 - M. A. Zemojtel-Piotrowska, J. Cieciuch, Ha Khanh Truong, et all. (2016)

						Measurement Invariance of Personal Well-Being Index (PWI-8) Across 26 Countries <i>Journal of Happiness Studies</i>, DOI 10.1007/s10902-016-9795-0. Springer Publishing - J Rózycka-Tran, Truong Thi Khanh Ha, J Ciecuch, SH Schwartz (2017) Universals and specifics of the structure and hierarchy of basic human values in Vietnam <i>Health psychology report</i>, University of Gdansk, Poland/ ISSN: 2353-4184 - Radosław Rogoza, Khanh Ha Truong Thi, et all. (2018), Psychometric properties of the MHC-SF:An integration of the existing measurement approaches”, <i>Journal of Clinical Psychology</i>, Wiley Periodicals, Inc., Online ISSN:1097-4679.
5	Nguyễn Thị Minh Hằng	PGS. TS	Tâm lý học	Nt	X	1. Các đề tài đã và đang chủ trì: - Chủ trì 1 đề tài cấp cơ sở: <i>Kỹ năng làm việc nhóm của SV (trường hợp Trường ĐHKHXH&NV)</i>. 2012-2014. - Chủ trì 1 đề tài của Trung tâm hỗ trợ và nghiên cứu Châu Á (ARC): <i>Xây dựng và thích ứng thang đo tự đánh giá của Toulouse trên trẻ vị thành niên Việt Nam</i>. 2015-2017. - Chủ trì 1 đề tài cấp ĐHQGHN: <i>Sự hài lòng với hôn nhân của trí thức trên địa bàn Hà Nội (đang thực hiện)</i>. 2. Các ấn phẩm đăng tải bằng tiếng nước ngoài: - Lescarret, O., Trinh Thi Linh., & Nguyen Ngoc

						Diep(2012), « D’une demande humaniste vietnamienne à la construction d’une psychologie clinique ancrée dans la culture », <i>Kỷ yếu HTKHQT : De la diversité linguistique aux pratiques intraculturelles</i>. NXB L’Harmattan, Pháp. ISBN: 978-2-296-99159-0. Pp. 73-84. - Linh, T. T., Thu, N. T. A., & Huong, N. D. (2014), “Self-Esteem Scale of the Vietnam Minors: CrossCultural”, <i>Adaptation of ETES. Psychology</i> (5), pp.1568-1574. http://dx.doi.org/10.4236/psych.2014.513167. - Hoang Moc Lan., & Trinh Thi Linh(2015), “Self-care behavior in health of the elderly in Vietnam”, <i>International journal of scientific research</i>, 4(3), 329-334. DOI: 10.15373/2249555X. - Trinh ThiLinh (2016), “Factors related to self-esteem among Vietnamese adolescents”, <i>International journal of scientific research</i>5(12), 61-64. DOI: 10.15373/2249555X. - Linh, T.T., Huong, T.T. and Trang, N.M. (2017), “Development and Validation of the Self-Esteem Scale of Toulouse (ETES) in Vietnam”, <i>Open Journal of Social Sciences</i> (5), pp.114-125. http://dx.doi.org/10.4236/jss.2017.51010. - Lan, H. , Linh, T. and Trang, N. (2017), “Death Attitudes and Perception about the Death of the Vietnamese Elderly”, <i>Open Journal of Social</i>
--	--	--	--	--	--	--

							<i>Sciences</i> (5), pp.300-317. doi: 10.4236/jss.2017.510026. - Fernandez, EMC., Huong, TT., & Linh, TT. (2017), “Ntic and Teenagers in the South: Case of High-School Students in Recife, Aignan, and Hanoi”, <i>Psychology Research</i>, Vol. 7, No. 12, 627-638. doi:10.17265/2159-5542/2017.12.003.
6	Trần Thu Hương	PGS. TS	Tâm lý học	Nt	X		- Trinh Thi Linh, Tran Thu Huong, Ngo Mai Trang (1/2017), “Development and validation of the Self-esteem scale of Toulouse (ETES) in Vietnam”, <i>Open Journal of Social Sciences</i>, Vol.5, pp. 114-125 - Ngo Thanh Hue, Tran Thu Huong (9/2017), “Le climat scolaire: une dimension principale du bien-être scolaire. Etude de cas au Vietnam (School climate: a principal dimension of school well-being. Cas study in Vietnam)”, <i>FAP – Aix Marseille (France)</i> ISSN 2525-2488, tr. 89-110. - Luong Can Liem, Tran Thu Huong (9/2017), “Psychologie vietnamienne à l’épreuve de la culture. La littérature entre un dictionnaire de mots et une grammaire de vie”, <i>FAP – Aix Marseille (France)</i> ISSN 2525-2488, tr. 116-121. - E. Costa-Fernandez, H. Tran Thu, L. Trinh Thi (12/2017), “Ntic and Teenagers in the South: Case of High-School Students in Recife, Aignan, and Hanoi”, <i>Journal of Psychology Research</i>, Vol. 7, No. 12, Serial No. 78, ISSN: 2159-5542, pp. 627-638.

7	Lê Thị Minh Loan	PGS. TS.	Tâm lý học	Nt	X	1. Các đề tài KH&CN các cấp đã chủ trì - Lê Thị Minh Loan (Chủ trì) (2012), <i>Hệ giá trị của doanh nhân VN thời kỳ hội nhập quốc tế (Qua khảo sát một số nhóm doanh nhân tiêu biểu)</i>, Đề tài cấp ĐHQGHN, Mã số: QG.10.25. - Lê Thị Minh Loan (Chủ trì) (2016), <i>Tính tích cực của người lao động trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay</i>, Đề tài Quỹ Nafosted, Mã số VI.1.2-2013.24 - Lê Thị Minh Loan (Chủ trì) (2018), <i>Sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp</i>, Đề tài cấp ĐHQGHN, Mã số: QG.15.45. 2. Các bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế (5 năm gần đây) - Le Thi Minh Loan-Vu Thu Trang. Job satisfaction (2018), “The influence of person-job fit and leader-member exchange”, <i>The European Proceedings of Social & Behavioural Sciences</i>, ISSN:2357-1330, vol XXXVII, 38-45. http://dx.doi.org/10.15405/epsbs.2018.03.02.4 - Le Thi Minh Loan, Фам Тхи Хонг Фьонг (2017), “Организационная приверженность преподавателей: влияние личностных особенностей. Вестник ТвГУ”, <i>Серия "Педагогика и психология"</i>, ISSN: 1999-4133, № 4 (2017), 34-43 - Князев В.Н, Ле Тхи Минь Лоан , Фам Минь Шон (2017), “Влияние поддержки со стороны организации и трансакционного лидерства на аффективную приверженность работников
---	------------------	----------	------------	----	---	---

						промышленных предприятий Вьетнама”, <i>Научный журнал «Вестник университета»</i>, ISSN: 1816-4277, №11(2017), 193-200 - Ле Тхи Минь Лоан (2018), Организационная приверженность работников промышленных предприятий Вьетнама: Фактор влияния. Журнал "Социально-экономические и технические системы: исследование, проектирование, оптимизация". ISSN: 1991-6302, № 1 (77), 50-63 - Ле Тхи Минь Лоан, Фам Минь Шон (2018), “Влияние мотивов на трудовую активность работников на предприятиях”, <i>Сибирский психологический журнал</i>, ISSN: 1726-7080, N 68, 143-162
8	Nguyễn Văn Lược	PGS. TS	Tâm lý học	Nt	X	1. Các đề tài KH&CN các cấp đã chủ trì - Nghiên cứu ý chí trong hoạt động học tập của sinh viên Khoa Tâm lý học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Mã số T.07.15, thời gian: 2007 – 2008, Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN. - Động cơ làm việc của công nhân: nghiên cứu trường hợp tại KCN Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Mã số: CS.2010.27, thời gian: 2011 – 2012, Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN. - Thích ứng tâm lý – xã hội của trẻ em nông thôn có bố mẹ đi làm ăn xa. Mã số: QG.15.43, thời gian: 2015 - 2017 Đại học Quốc gia Hà Nội.

						2. Các bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế (5 năm gần đây) - Khanh Ha, T. T., Van Luot, N., & Różycka-Tran, J. (2015), "Similarities and differences in values between Vietnamese parents and adolescents", <i>Health Psychology Report</i>, ISSN: 2353 - 4184, 3(4), pp.281–291. DOI: 10.5114/hpr.2015.51933. - Luot, N.V. and Dat, N.B. (2017), "The Psychological Well-Being among Left-Behind Children of Labor Migrant Parents in Rural Northern Vietnam", <i>Open Journal of Social Sciences</i>, ISSN Online: 2327-5960, ISSN Print: 2327-5952, vol 5, 188-201. doi: 10.4236/jss.2017.56017. <u>Sắp xuất bản (Tạp chí thuộc danh mục Scopus):</u> - Nguyen Van Luot, Nguyen Ba Dat, Truong Quang Lam (2018), « Subjective Well-being among "Left-behind Children" of Labor Migrant Parents in Rural Northern Vietnam", <i>Pertanika Journal of Social Sciences & Humanities</i>, ISSN: 0128 - 7702, vol 26 (3) Sept. 2018.
9	Trịnh Thị Linh	PGS. TS	Tâm lý học	Nt	X	Các đề tài đã và đang chủ trì: - Chủ trì 1 đề tài cấp cơ sở: <i>Kỹ năng làm việc nhóm của SV (trường hợp Trường ĐHKHXH&NV)</i>. 2012-2014. - Chủ trì 1 đề tài của Trung tâm hỗ trợ và nghiên

						cứu Châu Á (ARC): <i>Xây dựng và thích ứng thang đo tự đánh giá của Toulouse trên trẻ vị thành niên Việt Nam. 2015-2017.</i> - Chủ trì 1 đề tài cấp ĐHQGHN: <i>Sự hài lòng với hôn nhân của trí thức trên địa bàn Hà Nội (đang thực hiện).</i> Các ấn phẩm đăng tải bằng tiếng nước ngoài: - Lescarret, O., Trinh Thi Linh., & Nguyen Ngoc Diep(2012), « D'une demande humaniste vietnamienne à la construction d'une psychologie clinique ancrée dans la culture », Kỷ yếu HTKHQT : <i>De la diversité linguistique aux pratiques intraculturelles.</i> NXB L'Harmattan, Pháp. ISBN: 978-2-296-99159-0. Pp. 73-84. - Linh, T. T., Thu, N. T. A., & Huong, N. D. (2014), "Self-Esteem Scale of the Vietnam Minors: CrossCultural", <i>Adaptation of ETES. Psychology</i>(5), pp.1568-1574. http://dx.doi.org/10.4236/psych.2014.513167. - Hoang Moc Lan., & Trinh Thi Linh(2015), "Self-care behavior in health of the elderly in Vietnam", <i>International journal of scientific research</i>, 4(3), 329-334. DOI: 10.15373/2249555X. - Trinh ThiLinh (2016), "Factors related to self-
--	--	--	--	--	--	--

						esteem among Vietnamese adolescents”, <i>International journal of scientific research</i> 5(12), 61-64. DOI: 10.15373/2249555X. -Linh, T.T., Huong, T.T. and Trang, N.M. (2017), “Development and Validation of the Self-Esteem Scale of Toulouse (ETES) in Vietnam”, <i>Open Journal of Social Sciences</i>(5), pp.114-125. http://dx.doi.org/10.4236/jss.2017.51010. -Lan, H. , Linh, T. and Trang, N. (2017), “Death Attitudes and Perception about the Death of the Vietnamese Elderly”, <i>Open Journal of Social Sciences</i> (5), pp.300-317. doi: 10.4236/jss.2017.510026. - Fernandez, EMC., Huong, TT., & Linh, TT. (2017), “Ntic and Teenagers in the South: Case of High-School Students in Recife, Aignan, and Hanoi”, <i>Psychology Research</i>, Vol. 7, No. 12, 627-638. doi:10.17265/2159-5542/2017.12.003
10	Bùi Thị Hồng Thái	PGS. TS	Tâm lý học	Nt	X	Các đề tài làm chủ nhiệm: Đề tài cấp ĐHQG Hà Nội 1. Thái độ xã hội về trình tiết của phụ nữ - nhìn từ góc độ giới, Q.TTPN 09-01, Đại học Quốc gia Hà Nội (2009-2010) 2. Hành vi xã hội hóa nghề nghiệp của người lao động trẻ và những tác động từ phía tổ chức,

						QG.16.42, Đại học Quốc gia Hà Nội (2016-2018) Bài báo ISI: 1. Bui Thi Hong Thai, Tran Thi Minh Duc, (2017). Vietnamese employee work engagement. Influence of organizational socialization tactics and work-home interactions. <i>The European Proceedings of Social & Behavioural Sciences</i>, ISSN : 2357-1330, pp. 687-700. DOI: 10.15405/epsbs.2017.10.66 Bài báo quốc tế: · 1. Raymond DUPUY, BUI Thi Hong Thai, (2016), Multi-activité: modes renouvelés de socialisation professionnelle. L'exemple de jeunes diplomees vietnamiennes. Nouvelle revue de psychosociologie, 51-68, ISSN: 1951-9532.DOI : 10.3917/nrp.022.0069 2. Raymond DUPUY, BUI Thi Hong Thai, NGUYEN Hanh Lien, (2016), Former, Insérer, Prévenir. Problématiques de transition et de professionnalisation au Vietnam. A. Di Fabio, C. Lemoine, V. Majer, P. Salengros, (Sous/Dir.), <i>Conseil et orientation pour le travail</i>, Collection Psychologie du Travail et Ressources Humaines, Paris, L'Harmattan, ISBN: 9-782-343- 07412-2, pp. 65-76.
--	--	--	--	--	--	--

						3. BUI Thi Hong Thai, Raymond DUPUY, (2014), Globalisation et conduites de socialisation organisationnelle: l'exemple des diplômées vietnamiennes de haut niveau, Ngueutsa, R., Mokoukolo, R., Achi, N., Belhaj, A. (Sous Dir.). <i>Psychologie du travail et développement des pays du Sud</i> , Collection Psychologie du Travail et Ressources Humaines, Paris, L'Harmattan, ISBN: 9-782-343-04943-4 , pp. 147-160.
11	Lê Văn Hảo	PGS. TS	Tâm lý học	Viện Tâm lý học	X	05 đề tài cấp Bộ 02 đề tài cấp Viện 01 đề tài Nafosted Các bài báo công bố quốc tế Hao Van Le (co- authored with Armstrong, Kate; Nguyen Thanh Liem; Nguyen Thu Huong; Tran Thi Mong Hiep; Huynh Thoai Loan; Hodson, E; Tong, A) (2012). Think big! The power of a community development approach to population-wide change for children living with nephrotic syndrome in Vietnam. <i>International conference, San Francisco, USA, March 2012.</i> - Hao Van Le (2016). Coping strategies for disaster related stress. <i>Proceedings of International Conference "PTSD and Support activities"</i>. Hanoi National University Press. - Hao Van Le (2016). Impact of natural hazards on individuals, families and communities. <i>Proceedings of International Conference "PTSD and Support</i>

							activities”. Hanoi National University Press. - Hao Van Le (co-authored with Laren K., 2017). Socioeconomic status and Positive human psychology. <i>Proceedings of The First Southeast Asia Regional Conference of Psychology (2017)</i> . Hanoi National University Press. - Hao Van Le (co-authored with Do Ngoc Khanh, 2017). Mental health of upper secondary school students and its relation to their parents’ mental health. <i>Proceedings of The First Southeast Asia Regional Conference of Psychology (2017)</i> . Hanoi National University Press.
12	Phan Thị Mai Hương	PGS. TS	Tâm lý học	nt	X		- Chủ nhiệm 3 đề tài cấp bộ và 1 đề tài Quỹ Nafosted - Tham gia 3 đề tài cấp Nhà nước - 14 bài đăng trên tạp chí tiếng Việt và 1 bài trên tạp chí tiếng Anh trong nước 3/ 4 bài tóm tắt đăng trên số đặc biệt của tạp chí ISI 4/ 1 bài (tiếng Anh) đăng trên Tạp chí nước ngoài (Bản tin của Ủy Hội trắc đặc Quốc tế) - 1 chương sách (Tiếng Nhật) NXB có uy tín (University of Tokyo Press) - 6 bài trong kỷ yếu Hội thảo Quốc tế có phản biện tại VN - Tác giả / chủ biên 3 cuốn sách (tiếng Việt)

Ghi chú(*) Tiêu chuẩn của người hướng dẫn theo điều 45 qui chế 4555

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

5.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho NCS có cơ hội thực hành, tự nghiên cứu, tự đọc tài liệu.

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc ngành gần: Thời gian đào tạo là 3 năm tập trung liên tục. Thời gian kéo dài được phép là 2 năm.
- Đối với NCS từ cử nhân: Thời gian đào tạo là 4 năm tập trung liên tục. Thời gian kéo dài được phép là 2 năm.
- Trường hợp NCS không theo học tập trung liên tục được và được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của NCS phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định trên, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Khi thực hiện chương trình cần lưu ý một số điểm dưới đây:

a) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp:

NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp sau khi trúng tuyển sẽ được Nhà trường ra quyết định công nhận đề tài Luận án và cán bộ hướng dẫn luận án cho NCS căn cứ trên đề tài đã được đánh giá trong quá trình xét tuyển. Thời gian ra quyết định muộn nhất là 3 tháng sau khi nhập học.

Trong năm học đầu tiên, NCS phải hoàn thành các học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ. Các học phần tự chọn và tiểu luận tổng quan phải được đăng ký học tập trong năm thứ 2. Các chuyên đề tiến sĩ phải được đăng ký và hoàn thành ít nhất 6 tháng trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở.

Các chuyên đề tiến sĩ đều phải được trình bày trước Tiểu ban chấm thi. Điểm đạt của các chuyên đề là từ điểm C trở lên.

b) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần :

NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần sau khi trúng tuyển sẽ phải đăng ký và hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức được ghi rõ trong phần 1 của mục 2.2.

Sau khi kết thúc các học phần thuộc khối kiến thức bổ sung nêu trên, căn cứ vào đề nghị của Khoa Tâm lý học dựa trên đề tài đã được đánh giá trong quá trình xét tuyển hồ sơ chuyên môn, Nhà trường sẽ ra quyết định công nhận đề tài luận án và cán bộ hướng dẫn luận án cho NCS. Thời gian ra quyết định chậm nhất là 3 tháng sau khi kết thúc các học phần thuộc khối kiến thức bổ sung.

Ngay sau khi kết thúc các học phần thuộc khối kiến thức bổ sung nêu trên, NCS sẽ phải tiến hành đăng ký và hoàn thành các học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ. Các học phần tự chọn và tiểu luận tổng quan phải được đăng ký học tập trong năm thứ 2. Các chuyên đề tiến sĩ phải được đăng ký và hoàn thành ít nhất 6 tháng trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở.

c) Đối với NCS từ cử nhân.

NCS từ cử nhân sau khi trúng tuyển sẽ phải đăng ký và hoàn thiện các học phần bổ sung kiến thức thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học cùng với học viên cao học của Khoa.

Ngay sau khi kết thúc các học phần của chương trình bậc thạc sĩ nêu trên, căn cứ vào đề nghị của Khoa Tâm lý học, Nhà trường sẽ ra quyết định công nhận đề tài luận án và cán bộ hướng dẫn luận án cho NCS. Thời gian ra quyết định muộn nhất là 3 tháng sau khi kết thúc các học phần này.

Sau khi kết thúc các học phần nêu trên của chương trình Thạc sĩ, NCS sẽ phải tiến hành đăng ký và hoàn thành các học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ. Các học phần tự chọn và tiểu luận tổng quan phải được đăng ký học tập trong năm thứ 2. Các chuyên đề tiến sĩ phải được đăng ký và hoàn thành ít nhất 6 tháng trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở.

5.2. Tiến trình đào tạo dự kiến

a) Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ

Tt	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
				H KI	H KI I	H KI	H KI I	H KI	H KI I	H KI	H KI I
1. Các học phần ở trình độ thạc sĩ											
I. Khối kiến thức chung			4								
1	PHI500 1	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	X							
II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành											
II.1. Bắt buộc (Compulsory Subjects)			15								
2	PSY 6005	Đạo đức nghề tâm lý (<i>Ethics of psychological profession</i>)	3	X							
3	PSY 6021	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học (<i>Research design in Psychology</i>)	2	X							
4	PSY 6028	Tâm lý học xuyên văn hóa (<i>Cross Cultural Psychology</i>)	3	X							
5	PSY 6030	Tâm lý học tích cực (<i>Positive Psychology</i>)	3	X							
6	PSY 6006	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em (<i>The development of children's thinking and language</i>)	3	X							
II.2. Tự chọn (Optional Subjects)			21/4 2								

8	PSY 6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng (<i>Applied social psychology</i>)	3		X						
1	PSY 6023	Tiếp cận tâm lý trong quản lý nhân sự (<i>The psychological approach in human management</i>)	3		X						
2	PSY 6029	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn (<i>Psychology of deviant behavior</i>)	3		X						
3	PSY 6037	Đánh giá nhân cách (<i>Personality Assessment</i>)	3		X						
4	PSY 6024	Tâm lý học kinh tế (<i>The Economic Psychology</i>)	3		X						
5	PSY 6025	Tâm lý học tội phạm (<i>Criminal Psychology</i>)	3		x						
6	PSY 6036	Đánh giá trí tuệ (<i>Intellectual Assessment</i>)	3		X						
7	PSY 6027	Thực hành đánh giá và can thiệp học đường (<i>Assessment and Intervention in School Psychology</i>)	3		X						
8	PSY 6026	Kỹ năng tham vấn (<i>Counselingskills</i>)	3		X						
	PSY 6031	Động thái nhóm và lãnh đạo (<i>Group Dynamics and Leadership</i>)	3		X						
1	PSY 6032	Tham vấn bạo lực gia đình (<i>Domestic Violence Counseling</i>)	3		X						
2	PSY	Thực hành tâm lý trị	3		X						

	6033	liệu (<i>Psychotherapy Practice</i>)									
3	PSY 6007	Tâm lý học giáo dục (<i>Educational Psychology</i>)	3		X						
4	PSY 6008	Tâm lý học chính trị (<i>The Psychology of Politics</i>)	3		X						
2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ											
2.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	6								
10	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu TLH	3			X					
11	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại	3			X					
2.1		<i>Các học phần tự chọn</i>	3								
12	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa	3			X					
13	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng	3			X					
14	PSY 8013	Tham vấn đa văn hóa	3			X					
17	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm	3			X					
18	PSY 8015	Tâm lý học và Phật giáo	3			X					
19	PSY	Chuyên đề 1	2						X		

	8016	(Special Topics 1)									
20	PSY 8017	Chuyên đề 2 (Special Topics 2)	2				X			X	
21	PSY 8018	Chuyên đề 3 (Special Topics 3)	2				X			X	
22	PSY 8012	Tiểu luận tổng quan	2						X		
3.	PSY 9001	Luận án tiến sĩ	70	X	X	X	X	X	X	X	X

b) Đối với NCS có bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần

Tt	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK I	HKI I	HK I	HK II	HK I	HK II
1. Các học phần ở trình độ thạc sĩ			15						
1	PSY 6021	Thiết kế nghiên cứu tâm lý học	3	X					
2	PSY 6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng	3	X					
3	PSY 6023	Tiếp cận tâm lý trong quản lý nhân sự	2	X					
4	PSY 6006	Sự phát triển tâm lý người	3	X					
5	PSY 6026	Kỹ năng tham vấn	3		X				
6	PSY 6027	Thực hành đánh giá và can thiệp học đường	3		X				
7	PSY 6030	Tâm lý học tích cực	3		X				
8	PSY	Động thái nhóm và lãnh	3		X				

	6031	đạo							
2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ									
2.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	6						
10	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu TLH	3			X			
11	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại	3			X			
2.1		<i>Các học phần tự chọn</i>	3						
12	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa	3			X			
15	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng	3			X			
16	PSY 8013	Tham vấn đa văn hóa	3			X			
17	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm	3			X			
18	PSY 8015	Tâm lý học và Phật giáo	3			X			
19	PSY 8016	Chuyên đề 1 (<i>Special Topics 1</i>)	2				X		
20	PSY 8017	Chuyên đề 2 (<i>Special Topics 2</i>)	2					X	
21	PSY 8018	Chuyên đề 3 (<i>Special Topics 3</i>)	2					X	
22	PSY 8012	Tiểu luận tổng quan	2				X		
3.	PSY 9001	Luận án tiến sĩ	70	X	X	X	X	X	X

c) Đối với NCS có bằng Thạc sĩ chuyên ngành đúng và phù hợp

Tt	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3	
				HK I	HK II	HK I	HK II	H KI	HKI I
I. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			13						
I.1		Các học phần bắt buộc	10						
1	PSY 8002	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu TLH	3	X					
2	PSY 8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại	3	X					
I.2		Các học phần lựa chọn	3/6						
3	PSY 8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa	3		X				
4	PSY 8010	Quyền lực và sự ảnh hưởng	3		X				
5	PSY 8013	Tham vấn đa văn hóa	3		X				
6	PSY 8014	Trị liệu lo âu, trầm cảm	3		X				
7	PSY 8015	Tâm lý học và Phật giáo	3		X				
II.		Các chuyên đề tiến sĩ	6						
	PSY 8016	Chuyên đề 1 (<i>Special Topics 1</i>)	2			X			
9	PSY 8017	Chuyên đề 2 (<i>Special Topics 2</i>)	2				X		
10	PSY 8018	Chuyên đề 3 (<i>Special Topics 3</i>)	2				X		
III	PSY	Tiểu luận tổng quan	2			X			

	8012								
IV	PSY 9001	Luận án tiến sĩ	70	X	X	X	X	X	X
	Cộng								

6. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Tâm lý học của Đại học University of Minnesota (Hoa Kỳ)

a, Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình

-Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Minnesota không đào tạo tiến sĩ Tâm lý học nói chung, họ đào tạo theo các chuyên ngành sâu, ví dụ về Tiến sĩ khoa học hành vi và nhận thức; Tiến sĩ tâm lý học tổ chức/công nghiệp, tiến sĩ tâm lý học xã hội ...

-Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo

Đại học **Đại học University of Minnesota (Hoa Kỳ)** là một trong những trường đại học hàng đầu của thế giới, được Tổ chức xếp hạng đại học QS đánh giá là đại học uy tín hạng 163 các trường đại học trên thế giới (năm 2018); <https://www.topuniversities.com/universities/university-minnesota#sub>

Thông tin về trường có thể tìm tại: <http://psych.umn.edu/intranet/grad/cspr>.

Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Tâm lý học của Đại học University of Minnesota (Hoa Kỳ)

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo

Trường Đại học Minnesota là trường Đại học hàng đầu thế giới về lĩnh vực Tâm lý học với các hướng chuyên sâu. được Tổ chức xếp hạng đại học QS xếp hạng theo lĩnh vực Tâm lý học (năm 2018) thì xếp thứ 21 trên thế giới <https://www.topuniversities.com/universities/university-minnesota#sub>

b, Bảng so sánh chương trình đào tạo giữa hai CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Tâm lý học của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và chương trình Đào tạo tiến sĩ ngành Tâm lý học của Đại học Minnesota (Hoa Kỳ)

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			
I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			
TT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			
		Việt)	tạo
	<i>Mục tiêu Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tâm lý học của Đại học Minnesota (Hoa Kỳ)</i>	<i>Mục tiêu CTĐT tiến sĩ ngành Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học) của ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH QGHN</i>	<i>Điểm giống và khác nhau giữa mục tiêu của 2 CTĐT</i>
1	<i>Ví dụ trình độ tiến sĩ Tâm lý học lâm sàng:</i> Our mission is to train research-oriented clinical scientists, many of whom will pursue academic careers or jobs that combine research with clinical, leadership, and/or policymaking responsibilities. <i>Sứ mệnh của chúng tôi là đào tạo các nhà khoa học lâm sàng định hướng nghiên cứu, nhiều người trong số họ sẽ theo đuổi sự nghiệp học thuật hoặc công việc liên quan tới lâm sàng, lãnh đạo và / hoặc chính sách.</i>	Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học có mục tiêu chung là đào tạo những chuyên gia có trình độ cao, có kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực của tâm lý học, đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng tâm lý học trong xã hội hiện đại. Đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý học có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập; có khả năng tổ chức và triển khai các mạng lưới, các nhóm nghiên cứu; có năng lực tham gia các diễn đàn khoa học, đối thoại học thuật, vận	<u>Giống:</u> Đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài Nhà nước trong lĩnh vực Tâm lý học. Chú trọng đào tạo phương pháp, tư duy. Điều nhằm nâng cao kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Tâm lý học. <u>Khác:</u> Chương trình đào tạo của USSH đào tạo tiến sĩ Tâm lý học nói chung, chương trình của Minnesota đào tạo chuyên sâu trong từng lĩnh vực cụ thể (Tiến sĩ Tâm lý học sàng, Tiến sĩ Tâm lý học xã hội, Tiến

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SỸ			
	Students are provided with the resources and opportunities to achieve this goal, but there is no formal mechanism to ensure such an outcome for every student. Because not all students will find careers in research best suited for them, our program is flexible enough to allow students to pursue a range of career opportunities. <i>Người học được cung cấp các nguồn lực và cơ hội để đạt được mục tiêu này, nhưng không có công thức chung cho tất cả người học. Bởi vì không phải tất cả NCS sẽ tìm thấy sự phù hợp trong lĩnh vực nghiên cứu, Do đó, chương trình của chúng tôi đủ linh hoạt để cho phép người học theo đuổi các cơ hội nghề nghiệp khác nhau.</i> Our goal is to provide students with the foundation to become	dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; có năng lực tự học, cập nhật kiến thức và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành.	sĩ Tâm lý học công nghiệp tổ chức...) và nhấn mạnh tính linh hoạt của chương trình đào tạo, và sự tự do lựa chọn của nghiên cứu sinh.

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SỸ			
	clinical scientists. It's the student's job, working with faculty advisers, to determine what to build on that foundation and how best to do it. Regardless of their ultimate career choice, all students will be trained to value, understand, and rely on clinical science in whatever career they choose. <i>Mục tiêu của chúng tôi là cung cấp cho sinh viên nền tảng để trở thành các nhà khoa học lâm sàng. Công việc của NCS là làm việc với các cố vấn giảng viên, để xác định những gì là nền tảng và lựa chọn hướng đi tốt nhất cho họ. Bất kể sự lựa chọn nghề nghiệp cuối cùng của họ là gì, tất cả người học được đào tạo về đánh giá, hiểu và dựa vào khoa học lâm sàng.</i>		
II. CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			
TT	<i>Tên môn học trình độ tiến sĩ ngành Tâm lý học của Đại học Minnesota (Hoa Kỳ)</i>	<i>Tên môn học CTĐT tiến sĩ ngành Tâm lý học (chuyên ngành Tâm lý học) của ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH QGHN</i>	<i>Điểm giống và khác nhau giữa mục tiêu/ các môn học của 2 CTĐT</i>
1	(1). Analysis of Psychology Data I; (<i>Phân tích dữ liệu tâm lý I</i>) (2). Analysis of Psychology Data II; (<i>Phân tích dữ liệu tâm lý II</i>) (3). Applied Multivariate Analysis; (<i>Ứng dụng phân tích đa biến</i>) (4). Seminar: Quantitative and Psychometric Methods; (<i>Seminar: Các phương pháp định lượng và tâm lý</i>) (5). Research Methods in Social Psychology (<i>Các phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học xã hội</i>)	Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu Tâm lý học (Modalize and multi - variante analysis in Psychological research)	Không có môn học có tên tương tự nhưng nội dung môn học này trong CTĐT của ĐHKHXH&NV có nội dung giống một số chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Tâm lý học xã hội của Đại học Minnesota (<i>Applied Multivariate Analysis</i>) hay các môn "Analysis of Psychology Data I"; "Analysis of Psychology Data" ở tất cả các hướng đào tạo tiến sĩ của Đại học Minnesota (Hoa Kỳ) hoặc môn Research "Methods in Social Psychology" của chương trình đào tạo tiến sĩ Tâm lý học xã hội. Về nội dung giảng

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIỀN SĨ			
			dạy: Giống nhau 70% Về tên gọi: Rút gọn tên
2	(1). Seminar in Psych - Personality at Work; <i>(Seminar: Tâm lý học nhân cách ở nơi làm việc)</i> (2). Seminar in Psych - Counterproductive Work Behaviors; <i>(Các hành vi kìm hãm trong công việc)</i> (3). Interpersonal Relationships <i>(Quan hệ liên cá nhân)</i>	Những vấn đề tâm lý trong xã hội đương đại (Psychological issues in contemporary society)	Nội dung môn học đề cập đến những vấn đề toàn cầu hóa; mạng xã hội và mối liên hệ liên cá nhân trong bối cảnh toàn cầu. Có thể tìm thấy các nội dung môn học trong các chương trình đào tạo tiến sĩ Tâm lý học công nghiệp và tổ chức (các môn Seminar in Psych - Personality at Work; Seminar in Psych - Counterproductive Work Behaviors) hoặc môn Interpersonal Relationships trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tâm lý học xã hội.
3	(1). Organizational Psychology; <i>(Tâm lý học tổ chức)</i>	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa (Organization Behavior)	Nội dung chương trình của chuyên đề của Đại học USSH được tích hợp từ

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			
		in multi-culture World);	nhiều chuyên đề, trong đó nhấn mạnh đến hành vi tổ chức trong bối cảnh mới. Có thể tham chiếu nội dung của môn này trong chuyên đề "Organizational Psychology" ở chương trình đào tạo tiến sĩ Tâm lý học tổ chức của Đại học Minnesota.
4	(1). Personnel Psychology; (<i>Tâm lý học nhân sự</i>) (2). Organizational Staffing; (<i>Nhân sự tổ chức</i>) (3). Organizational Psychology; (<i>Tâm lý học tổ chức</i>) (4). Interpersonal Relationships. (<i>Tâm lý học liên cá nhân</i>)	Quyền lực và sự ảnh hưởng trong tổ chức (Power and Influences in Organization)	Không có học phần tương đương Tuy nhiên, nội dung của học phần này có thể tìm thấy trong các môn học "Personnel Psychology"; "Organizational Staffing" "Organizational Psychology" trong chương trình đào tạo Tiến sĩ công nghiệp, tổ chức; Hoặc "Interpersonal Relationships" trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tâm lý học xã

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SỸ			
			hội của Đại học Minnesota;
5	(1). Social and Emotional Processes (<i>Các quá trình cảm xúc và xã hội</i>)	Trị liệu lo âu, trầm cảm (Psychotherapy for Anxiety and Depression)	<u>Giống:</u> Đề cập đến vấn đề lo âu, trầm cảm và cảm xúc trong mối liên hệ với các yếu tố xã hội; <u>Khác:</u> Tập trung nhiều hơn vào việc trị liệu những vấn đề này ở các khách thể khác nhau
6	(1). Social/Cultural Contexts: Counseling and Skills (<i>Các kỹ năng và tham vấn trong bối cảnh văn hóa/xã hội</i>)	Tham vấn đa văn hóa (Multicultural Counseling)	<u>Giống:</u> đều xem xét quá trình tham vấn trong bối cảnh văn hóa/xã hội; <u>Khác:</u> Xem xét quá trình tham vấn, trị liệu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập đa văn hóa mở rộng.
7		Tâm lý học và Phật giáo (Psychology and Buddhism)	Môn học mới được thiết kế cho đặc thù của văn hóa của người Việt;
8	Research Seminars I (<i>Nghiên cứu chuyên đề 1</i>) Research Seminars II (<i>Nghiên cứu chuyên đề 2</i>)	Chuyên đề 1 (Special Topics 1) Chuyên đề 2 (Special Topics 2)	<u>Giống:</u> Đều là các bài nghiên cứu độc lập của NCS, có nội dung liên quan

SO SÁNH MỤC TIÊU VÀ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ			
	Research Seminars III (<i>Nghiên cứu chuyên đề 3</i>)	Chuyên đề 3 (Special Topics 3)	đến/xoay quanh đề tài nghiên cứu của luận án.
9		Tiểu luận tổng quan (Overview of Literature)	Là học phần bắt buộc theo quy định của ĐHQGHN
10	Dissertation (<i>Luận án Tiến sĩ</i>)	Luận án Tiến sĩ (Dissertation)	Giống nhau 100%

7. Tóm tắt nội dung học phần (*Ghi theo số thứ tự trong khung chương trình dành cho NCS từ cử nhân*)

Học phần số 3.PSY 6005 - Đạo đức nghề tâm lý (3 tín chỉ)

- *Tóm tắt nội dung:*

Mục tiêu: Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức về các tiêu chuẩn đạo đức nghề tâm lý, người học có thể nắm bắt được những yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp và ứng dụng trong thực hành nghề tâm lý.

Nội dung chính: Học phần đề cập từ những vấn đề chung của đạo đức nghề tâm lý như những nguyên tắc nghề nghiệp chung trong hoạt động thực hành nghề tâm lý (tính nhân văn, sự trung thực và trách nhiệm, sự công bằng, sự tôn trọng con người) đến những tiêu chuẩn cốt lõi mà nhà tâm lý học cần có, giúp người học hiểu và có thể áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề trong công việc của nhà tâm lý học.

Học phần số 4. PSY 6021 - Thiết kế nghiên cứu trong Tâm lý học (3 tín chỉ).

- *Tóm tắt nội dung:*

Mục tiêu: giúp người học biết cách thiết kế một nghiên cứu tâm lý học, thiết kế các công cụ nghiên cứu và sử dụng một cách hợp lý các phương pháp nghiên cứu tương ứng với mỗi dạng thiết kế nghiên cứu.

Nội dung chính: Các thiết kế nghiên cứu định lượng (thiết kế điều tra một lần theo lát cắt ngang, thiết kế nghiên cứu dọc, thiết kế điều tra nhiều lần theo lát cắt ngang, thiết kế nghiên cứu hồi cố); Các thiết kế định tính (thiết kế nghiên cứu trường hợp, thiết kế nghiên cứu chuyện kể, thiết kế nghiên cứu điền dã tại thực địa). Các thiết kế kết hợp định tính - định lượng và các thiết kế thực nghiệm. Trong mỗi dạng thiết kế, học viên biết cách thu thập dữ liệu bằng các phương pháp phù hợp (định lượng và định tính). Học viên biết cách thiết kế công cụ nghiên cứu để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Và cuối cùng học viên biết phân tích mô tả số liệu định lượng đơn giản.

Học phần số 5: PSY 6028 - Tâm lý học xuyên văn hóa (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu của học phần này giúp học viên phát triển cách nhìn nhận, đánh giá và - ở một mức độ nhất định – lý giải những ảnh hưởng của văn hóa tới hành vi của con người trong các bối cảnh văn hóa khác nhau.

Nội dung chính: Trong một thế giới ‘phẳng’ như hiện nay, các tiếp xúc đa văn hóa ngày càng tăng. Nhưng đại đa số các nghiên cứu tâm lý học trên thế giới đều được thực hiện ở Mỹ, châu Âu và một số nước mà nền văn hóa của họ theo xu hướng cá nhân. Liệu các đặc điểm, quá trình tâm lý đó mang tính phổ quát hay đặc thù? Liệu những phát hiện đó có thể ứng dụng tới mức nào cho 70% dân số của phần còn lại trên thế giới vốn có nền văn hóa theo xu hướng cộng đồng? Nội dung của học phần này tập trung vào việc những ảnh hưởng của văn hóa tới hành vi, ứng xử của con người, từ cách nhìn nhận về bản thân, quan hệ xã hội (tôi-người khác), hành vi của con người trong tổ chức cho đến các hành vi liên quan đến giao tiếp, giới và quá trình phát triển con người.

Học phần số 6: PSY 6030 - Tâm lý học tích cực (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Học phần nhằm cung cấp cho người học cái nhìn mới, tích cực về các mặt khác nhau của đời sống tâm lý con người thông qua những trải nghiệm tích cực của chính họ về hạnh phúc, sự lạc quan, lòng khoan dung, tình yêu, sự kiên cường, sự sáng tạo... Từ đó, giúp họ hướng đến xây dựng đời sống tinh thần khỏe mạnh, tạo điều kiện cho sự phát triển lành mạnh của mỗi người.

Nội dung chính của học phần: Học phần đề cập đến các cách tiếp cận cũng như các khái niệm cơ bản của tâm lý học tích cực bao gồm hạnh phúc (happiness), hy vọng (hope), lạc quan (optimism), lòng vị tha (forgiveness), sự kiên cường (resilience), tình yêu (love), sự sáng tạo (creativity), sự chú tâm (mindfulness). Bên cạnh đó, điểm mạnh cá nhân cũng sẽ được đào sâu nghiên cứu trong học phần này. Học phần giúp người học hiểu được những vấn đề chung nhất của tâm lý học tích cực, tự khám phá bản thân nhằm hướng người học đến việc thiết lập một môi trường sống tích cực nhất.

Học phần số 7: PSY 6006 - Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Học phần giúp người học hiểu các nguyên lý, cơ chế của sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em.

Nội dung chính của học phần: Học phần nghiên cứu hai cách tiếp cận tiêu biểu về sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em. Đó là tiếp cận của Piaget và tiếp cận của Vygotski. Học phần đi sâu phân tích nguồn gốc ra đời, các phạm trù cơ bản và các nguyên lý của các cách tiếp cận tiêu biểu nêu trên. Đồng thời phân tích cơ chế của sự phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ em, mối quan hệ giữa sự phát triển tư duy và ngôn ngữ, trong đó đặc biệt nhấn mạnh phạm vi ứng dụng của từng cách tiếp cận trong việc phát triển tư duy và ngôn ngữ cho trẻ.

Học phần số 8: PSY 6022 - Tâm lý học xã hội ứng dụng (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Tâm lý học xã hội ứng dụng cung cấp cho người học những kiến thức tâm lý học xã hội cơ bản được ứng dụng vào việc phát triển nhóm, cộng đồng, quản lý, tội phạm, tham vấn, giáo dục nhằm giúp cho người học có kỹ năng làm việc, hợp tác, giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong mối quan hệ giữa người với người trong các lĩnh vực của đời sống xã hội

Nội dung chính của học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về những quy luật tâm lý xã hội thường xảy ra trong xã hội, kỹ năng về giao tiếp, hợp tác và những tri thức ứng dụng của tâm lý học xã hội như tâm lý của các tầng lớp dân cư, người di cư, nhóm yếu thế, những khía cạnh tâm lý trong phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam. Giúp người học giải quyết vấn đề tâm lý xã hội nảy sinh trong đời sống xã hội.

Học phần số 9: PSY 6023 - Tiếp cận tâm lý trong quản lý nhân sự (3 tín chỉ)
- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Cung cấp cho học viên các tri thức cơ bản nhất về quản lý nhân sự trong tổ chức, hiểu được bản chất quản lý nhân sự, cơ sở tâm lý học của quản lý nhân sự, các giai đoạn quản lý nhân sự

Nội dung cơ bản: Nghiên cứu cơ sở tâm lý trong hoạt động quản lý nhân sự, một số lý thuyết tâm lý về quản lý nhân sự, các giai đoạn quản lý nhân sự trong tổ chức: hoạch định nhân sự, phân tích công việc, tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo và phát triển nhân sự. Nghiên cứu việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lý trong các giai đoạn quá trình quản lý nhân sự và hình thành các kỹ năng giải quyết các vấn đề tâm lý quản lý nhân sự trong tổ chức, thông qua việc giải quyết các tình huống cụ thể.

Học phần số 10: PSY 6029 - Tâm lý học hành vi lệch chuẩn (3 tín chỉ)
- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: giúp cho học viên hiểu được mối quan hệ giữa các đặc điểm tâm lý cá nhân và xu hướng phát triển hành vi lệch chuẩn, khả năng dự báo và kiểm soát các hành vi lệch chuẩn con người.

Nội dung chính: Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản và chuyên sâu về lịch chuẩn, hành vi lịch chuẩn, chuẩn mực, chuẩn mực xã hội ở nhiều góc độ, với nhiều tiếp cận khác nhau. Học xong học phần này, học viên có thể nhận diện được nguồn gốc của các hành vi lịch chuẩn, cấu trúc lịch chuẩn và các đặc trưng nhân cách lịch chuẩn, các tiêu chuẩn xác định hành vi lịch chuẩn, quá trình chuyển thành hành vi lịch chuẩn ở cá nhân, các kiểu hành vi lịch chuẩn và các phương pháp đánh giá, nghiên cứu hành vi lịch chuẩn.

Học phần số 11: PSY 6036 - Đánh giá nhân cách (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Học phần này giúp học viên có được những hiểu biết sâu sắc về cơ sở lý thuyết của các phương pháp đánh giá nhân cách và cách thức tiến hành, luận giải kết quả một số phương pháp đánh giá nhân cách tiêu biểu.

Nội dung cơ bản: Cung cấp cơ sở lý thuyết của các phương pháp đánh giá nhân cách; Hiểu được các kỹ thuật đánh giá nhân cách; Hiểu được ưu và nhược điểm của các phương pháp đánh giá nhân cách. Hình thành kỹ năng sử dụng các phương pháp đánh giá nhân cách; Biết cách tiến hành một số phương pháp đánh giá nhân cách như hỏi chuyện lâm sàng, quan sát lâm sàng, TAT, CAT, Rorschach, tranh vẽ; Hình thành kỹ năng phân tích, luận giải kết quả đánh giá của các phương pháp cụ thể nêu trên. Biết cách tôn trọng thân chủ; Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức hành nghề.

Học phần số 12: PSY 6024 - Tâm lý học kinh tế (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Học phần Tâm lý học kinh tế trang bị các kỹ năng kinh tế cơ bản cho người học như kỹ năng tiết kiệm trong tiêu dùng, kỹ năng lập kế hoạch và hạch toán kinh tế và xây dựng các dự án kinh tế cộng đồng.

Nội dung chính: Học phần trang bị các kiến thức cốt lõi, cơ bản nhất về tâm lý học kinh tế, các cơ chế tâm lý của hành vi kinh tế, các mô hình và qui luật

tâm lý trong hoạt động kinh tế, sở hữu, nhân cách kinh tế, các kiến thức về hoạt động đầu tư, tiết kiệm, các kiến thức về xã hội hoá, thích ứng kinh tế của nhân cách và ứng dụng tâm lý học kinh tế vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống.

Học phần số 13: PSY 6025 - Tâm lý học tội phạm (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Tâm lý học tội phạm là ngành khoa học tâm lý ứng dụng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về các phương pháp nghiên cứu tâm lý, giúp người học có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực đấu tranh phòng ngừa tình trạng vi phạm pháp luật nói chung và tình trạng phạm tội nói riêng.

Nội dung chính: Học phần trang bị các khái niệm tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật, hành vi phạm tội, nhân cách người phạm tội, người chưa thành niên phạm tội; cơ chế tâm lý của hành vi phạm tội, diễn biến tâm lý của người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội; tâm lý nhóm tội phạm; đặc điểm tâm lý của người chưa thành niên phạm tội; các yếu tố tâm lý – xã hội ảnh hưởng tới hành vi phạm tội nói chung và hành vi phạm tội của người chưa thành niên nói riêng; tâm lý phòng ngừa tội phạm cũng như những kiến thức chuyên sâu về tham vấn cho phạm nhân là người chưa thành niên phạm tội.

Học phần số 14: PSY 6036 - Đánh giá trí tuệ (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Học phần hướng dẫn học viên kỹ thuật cơ bản thiết kế các trắc nghiệm trí tuệ sử dụng trong lâm sàng.

Nội dung chính: cung cấp cho học viên một số kiến thức liên quan đến khái niệm trí tuệ; các phương pháp luận nghiên cứu trí tuệ, các loại trắc nghiệm trí tuệ khác nhau như trắc nghiệm trí thông minh (IQ), trắc nghiệm trí sáng tạo (CQ), trắc nghiệm trí tuệ cảm xúc (EQ), trắc nghiệm trí tuệ xã hội (SQ); cách sử dụng các loại trắc nghiệm trí tuệ trong đánh giá chẩn đoán sự phát triển trí tuệ, cách đọc hiểu các kết quả trắc nghiệm trí tuệ;

Học phần số 15: PSY 6027 - Thực hành đánh giá và can thiệp học đường (3 tín chỉ).

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Học viên học xong học phần này có kiến thức và kỹ năng tiến hành chẩn đoán, đánh giá và can thiệp một số vấn đề tâm lý của học sinh. Song song với việc đó, học viên cũng hình thành được một thái độ làm việc khoa học, trung thực và vì học sinh

Nội dung chính: Học phần cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng thực hành một số vấn đề cơ bản của Tâm lý học học đường như các nguyên tắc, quy trình và công cụ đánh giá các vấn đề tâm lý học đường; quy trình can thiệp học đường; quy trình đánh giá và can thiệp các vấn đề tâm lý học đường cụ thể như rối nhiễu cảm xúc như lo âu, trầm cảm, các vấn đề hành vi như nghiện game, bạo lực học đường,... Học phần này chủ yếu rèn luyện cho học viên kỹ năng và kỹ thuật thực hành đánh giá và can thiệp học đường nói chung và các vấn đề cụ thể nói riêng của học viên.

Học phần số 16: PSY 6026 - Kỹ năng tham vấn (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Sau khi học xong học phần này, học viên được nâng cao kiến thức về kỹ năng tham vấn, nắm được cách xác định vấn đề của thân chủ. Học viên được thực hành các kỹ năng tham vấn. Ngoài ra, học viên cũng hình thành được một thái độ tôn trọng các đối tượng là nạn nhân của bạo lực gia đình.

Nội dung chính: Học phần trang bị cho người học những kỹ năng thực hành tham vấn nâng cao, những tiêu chuẩn đạo đức và pháp lý trong thực hành ca tham vấn. giúp người học xác định mục tiêu tham vấn của thân chủ và vấn đề thực sự của thân chủ và được thực hành ca tham vấn.

Học phần số 17: PSY 6031 - Động thái nhóm và lãnh đạo (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Cung cấp cho học viên những kiến thức về các quá trình, hiện tượng tâm lý xã hội nảy sinh trong quá trình hình thành và phát triển nhóm nhỏ.

Làm rõ vai trò của người lãnh đạo trong việc định hướng, điều khiển, điều chỉnh các quá trình, hiện tượng này.

Nội dung chính: Trình bày vấn đề chung về nhóm và động thái nhóm; Làm rõ các yếu tố liên quan đến các cấu trúc nhóm; Làm rõ bản chất của các hiện tượng tâm lý trong quá trình phát triển nhóm; Giới thiệu quy trình ra quyết định nhóm và các hiện tượng tâm lý diễn ra trong quá trình ra quyết định nhóm; Xác định bản chất, cơ chế tâm lý và nguồn gốc của quyền lực. Trình bày vai trò của người lãnh đạo nhóm cũng như một số lý thuyết về lãnh đạo.

Học phần số 18: PSY 6032 - Tham vấn bạo lực gia đình (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: giúp học viên có kiến thức cơ bản về bạo lực gia đình, các phương pháp tiếp cận về bạo lực gia đình và kiến thức về tham vấn bạo lực gia đình. Học viên được thực hành các kỹ năng tham vấn về bạo lực gia đình.

Nội dung chính: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về bạo lực gia đình, các tiêu chuẩn chẩn đoán tổn thương tâm lý do bạo lực gia đình, các cách thức tự bảo vệ bản thân của phụ nữ bị bạo lực gia đình và những yếu tố duy trì bạo lực gia đình. Môn học cũng giúp học viên lý giải các hiện tượng bạo lực gia đình từ các cách nhìn khác nhau. Học viên được thực hành các ca tham vấn về bạo lực gia đình, trên cơ sở nắm được các kỹ năng và quy trình làm ca tham vấn về bạo lực gia đình.

Học phần số 19: PSY 6033 - Thực hành tâm lý trị liệu (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Giúp học viên nắm bắt được kỹ năng thực hành trị liệu tâm lý và các kỹ thuật tâm lý trị liệu cơ bản áp dụng vào việc trị liệu các rối loạn tâm lý cụ thể.

Nội dung chính: Học phần Thực hành tâm lý trị liệu cung cấp cho học viên kiến thức về tiến trình trị liệu, các hiểu biết cơ bản về các nguyên tắc và kỹ thuật trị liệu cá nhân đối với các dạng rối loạn khác nhau: rối loạn hướng nội và rối

loạn hướng ngoại. Trên cơ sở của hiểu biết nền tảng đó sinh viên thực hành các liệu pháp và kỹ thuật đã được học trên lớp và thực hành các kỹ thuật trên một ca lâm sàng mà học viên thực hiện dưới sự giám sát của giảng viên.

Học phần số 20: PSY 6007 - Tâm lý học giáo dục (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: cung cấp cho người học một hệ thống tri thức tâm lý học ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục (dạy học và giáo dục đạo đức).

Nội dung chính: Học phần trang bị các lý thuyết tâm lý học ứng dụng trong giáo dục; xây dựng cơ sở lý luận của việc dạy và học; xem xét hoạt động học tập như một quá trình tương tác. Tâm lý học giáo dục cũng xem xét các vấn đề tâm lý liên quan như: cơ sở tâm lý của việc tạo dựng môi trường học tập hiệu quả; sự khác biệt tâm lý cá nhân và dạy học; đánh giá trong giáo dục. Bên cạnh đó, tâm lý học giáo dục còn cung cấp cho người học cơ sở tâm lý của việc giáo dục đạo đức, giá trị cũng như vấn đề bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phẩm chất của người thầy trong lĩnh vực giáo dục.

Học phần số 21: PSY 6008 - Tâm lý học chính trị (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung:

Mục tiêu: Giúp học viên biết được những đặc điểm, hiện tượng, qui luật tâm lý, quan hệ, hành vi chính trị của cá nhân và nhóm xã hội trong hoạt động chính trị.

Nội dung chính: Cung cấp cho người học sơ lược lịch sử hình thành và phát triển tâm lý học chính trị, những hiện tượng, qui luật, quan hệ, hành vi chính trị của cá nhân và các nhóm người trong xã hội, trong hoạt động chính trị; các lý thuyết tâm lý nhân cách chính trị, thủ lĩnh chính trị, tâm lý nhóm chính trị và tâm lý đám đông và hành vi tự phát trong chính trị.

HỌC PHẦN TIỀN SĨ

Học phần 22: PSY 8002 - Mô hình hóa và phân tích đa nhân tố trong nghiên cứu Tâm lý học (3 tín chỉ)

Tóm tắt nội dung học phần:

Mục tiêu: Giúp người học biết sử dụng phần mềm SPSS để hỗ trợ phân tích. Học xong môn học này, người học biết ứng dụng các phép này trong phân tích kết quả nghiên cứu, trả lời những câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra.

Nội dung chính: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về mô hình phân tích đa biến trong phân tích số liệu định lượng: phân tích quan hệ nhị biến, đa biến qua các phép phân tích tương quan, phân tích hồi qui, phân tích so sánh, phân tích nhân tố. Môn học giúp người học hiểu rõ về ứng dụng của các đại lượng thống kê trong từng phép phân tích tương ứng với mục đích phân tích, thấy được mối quan hệ của nhiều biến số trong phân tích số liệu.

Học phần 23: PSY 8003 - Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại.

Tóm tắt nội dung học phần

Mục tiêu: giúp NCS phát hiện những vấn đề tâm lý học cấp bách cần nghiên cứu trong xã hội hiện đại.

Nội dung chính: NCS được cung cấp hay tự tìm tài liệu tham khảo, thảo luận những thay đổi của bối cảnh xã hội và phát hiện ra những vấn đề nghiên cứu tâm lý học do những thay đổi xã hội tạo ra. Cấu trúc chuyên đề được sắp xếp theo ba nhóm tác động làm biến đổi xã hội và, do đó, làm xuất hiện những vấn đề tâm lý học cần nghiên cứu: (1) Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; (2) Phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin, truyền thông (điện thoại di động, internet, ipad, mạng xã hội...); (3) Các vấn đề liên văn hóa, đa văn hóa, hội nhập văn hóa và cuộc sống trong xã hội hiện đại (Gia đình đa văn hóa, tình yêu và hôn nhân đồng tính, tội phạm, buôn bán người, bất bình đẳng xã hội...).

Học phần 24: PSY 8005 - Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa (3 tín chỉ)

Tóm tắt nội dung học phần:

Mục tiêu: Học phần này giúp học viên/NCS hiểu rõ những vấn đề lý thuyết và thực tiễn về hành vi tổ chức; nhận diện, phân tích và so sánh các vấn đề của hành vi tổ chức trong các bối cảnh văn hóa khác nhau

Nội dung chính: Chuyên đề này được thiết kế để giúp học viên vừa nâng cao kiến thức về lý thuyết và thực tiễn về các hành vi của con người trong tổ chức, vừa phát triển khả năng nhìn nhận, phân tích, so sánh hay đánh giá hành vi trong tổ chức từ các nền văn hóa khác nhau dựa trên các nghiên cứu trong khoa học xã hội về làm việc, nhân viên, lãnh đạo/quản lý và tổ chức được tiến hành trong thời gian gần đây.

Học phần số 25: PSY 8010 - Quyền lực và sự ảnh hưởng (3 tín chỉ)

Tóm tắt nội dung học phần :

Mục tiêu: giúp người học có kiến thức về quyền lực, sự tác động quyền lực trong tổ chức, sử dụng quyền lực và cách thức thuyết phục người dưới quyền trong tổ chức để thực hiện các mục tiêu của lãnh đạo, quản lý tổ chức đặt ra.

Nội dung chính: Học phần chỉ rõ bản chất của quyền lực là gì, sự tác động quyền lực giữa con người với con người trong tổ chức, các cơ chế tâm lý tác động của quyền lực, các yếu tố ảnh hưởng tới quyền lực và cách thức xây dựng và sử dụng quyền lực để thúc đẩy, phát triển tổ chức tổ chức; hiệu quả của của quyền lực và các chiến lược ảnh hưởng của quyền lực đối với người dưới quyền trong tổ chức nhằm thực hiện các mục tiêu của lãnh đạo, quản lý tổ chức đặt ra..

Học phần số 26: PSY 8013 - Tham vấn đa văn hóa (3 tín chỉ)

Tóm tắt nội dung học phần:

Mục tiêu: nhằm nâng cao năng lực tham vấn đa văn hóa cho nghiên cứu sinh nhằm đánh giá những định kiến xã hội hay sự phân biệt đối xử và các hành vi có hại được hợp thức hóa bởi yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến tham vấn tâm lý

Nội dung chính: Học phần trang bị các vấn đề căn bản của văn hóa và tham vấn đa văn hóa, các yếu tố văn hóa xã hội liên quan trong tham vấn, thực hành và nghiên cứu về tham vấn đa văn hóa.

Học phần số 27: PSY 8014 - Trị liệu lo âu, trầm cảm (3 tín chỉ)

Tóm tắt nội dung học phần:

Mục tiêu: nâng cao năng lực trị liệu lo âu, trầm cảm cho nghiên cứu sinh. Sau khi kết thúc học phần, nghiên cứu sinh có khả năng phân tích một ca lo âu trầm cảm cụ thể; nắm vững quy trình và các kỹ thuật điều trị lo âu, trầm cảm.

Nội dung chính: Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết về lo âu, trầm cảm; các phương pháp và công cụ đánh giá, chẩn đoán lo âu, trầm cảm. Học phần này cũng giúp người học biết cách xây dựng định hình trường hợp, thiết lập kế hoạch can thiệp và một số kỹ thuật trị liệu lo âu, trầm cảm.

Học phần số 28: PSY 8015 – Tâm lý học và Phật giáo (3 tín chỉ)

Tóm tắt nội dung học phần:

Mục tiêu: nâng cao năng lực về Tâm lý học và Phật giáo cho nghiên cứu sinh. Hiểu được một số tư tưởng và giáo lý cơ bản của Phật giáo, sự giao thoa và khác biệt giữa tâm lý học và Phật giáo; nắm được hiện trạng nghiên cứu tâm lý học về Phật giáo; các mô hình ứng dụng Phật giáo trong tâm lý trị liệu; phân tích được viễn cảnh ứng dụng Phật giáo trong tâm lý học, có thái độ khách quan trong việc đánh giá các quan điểm của tâm lý học và của Phật giáo.

Nội dung chính: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về một số tư tưởng và giáo lý Phật giáo, những giao thoa và khác biệt giữa tâm lý học và Phật giáo, các xu hướng nghiên cứu về Phật giáo trong Tâm lý học, các mô hình tâm lý trị liệu dựa trên nền tảng của Phật giáo cũng như viễn cảnh nghiên cứu về lĩnh vực này trong tương lai.

**Ý KIẾN CỦA BAN GIÁM HIỆU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

NGÀNH: TÂM LÝ HỌC
CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

Kèm theo Quyết định số...../ĐHQGHN-ĐT
ngày tháng năm 2018

Của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HÀ NỘI – 2018